*Chương 9*

# DÂN CƯ - DÂN TỘC

## I. DÂN CƯ

Địa bàn tỉnh Sóc Trăng là vùng đất mở trong giao lưu, hội nhập của nhiều dân tộc khác nhau về nguồn gốc cư dân và văn hóa, và là một trong những địa điểm tụ cư lâu đời của các lớp cư dân cổ. Phát hiện của khảo cổ học cho thấy, các lớp cư dân cổ từng sinh sống trên những nơi đất cao ở xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách và thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên. Trong di tích Xuân Hòa (hay Phú Hòa) đã tìm thấy dấu vết kiến trúc với những viên gạch vỡ xếp thành từng lớp và nhiều đồ gốm thuộc văn hóa Óc Eo[1]. Còn trong di tích Mỹ Xuyên (ấp Thạnh Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên) đã phát hiện một số mảnh gốm dạng Óc Eo, pho tượng phật bằng đá, loại gốm mịn màu vàng nhạt và đồ sành vỡ màu xám thuộc thời kỳ muộn hơn, khoảng thế kỷ IX - X[2]. Ngoài ra, từ thế kỷ VII - VIII đến thế kỷ XIII - XIV, các lớp cư dân cổ đã tụ cư, lập nghiệp trên nhiều địa điểm khác nhau ở huyện Long Phú (xã Trường Khánh), huyện Châu Thành (xã An Ninh), thành phố Sóc Trăng (xã Khánh Hưng cũ)... Tại những nơi này có dấu vết của các di tích kiến trúc và nhiều tượng thờ bằng sa thạch. Trong suốt quá trình lịch sử từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XIII - XIV, các lớp cư dân cổ ở Sóc Trăng đã kiến tạo nên diện mạo cư dân và văn hóa của một vùng đất ở phía tây hạ lưu sông Hậu, tiếp giáp biển Đông này mang đậm dấu ấn văn hóa Bàlamôn giáo thể hiện trong các di tích kiến trúc tôn giáo.

Người Khmer (từ Campuchia), người Kinh (chủ yếu từ miền Trung), người Hoa (từ miền Nam Trung Quốc), người Chăm (từ miền Trung sang Camphuchia, rồi trở lại Việt Nam), kể

1. Xem: Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải: *Văn hóa Óc Eo, những khám phá mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 61 - 63.

2. Xem: Đào Linh Côn (Chủ nhiệm): *Giá trị văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ*, Báo cáo tổng hợp của đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ, 2009, tr. 27.

cả người Đồ Bà (Java), người Phú Lang Sa (Pháp), người Hồng Mao (Anh), người Mã Cao (Áo Môn)[1]… lần lượt di cư đến Đồng bằng sông Cửu Long, phần đất phía tây sông Hậu và địa bàn tỉnh Sóc Trăng hiện nay ngày càng trở nên đông hơn từ đầu thế kỷ XVII trở về sau này. Họ tụ cư, lập nghiệp, khai khẩn đất đai, thành lập phum sóc (Khmer), xóm làng (Kinh), hội quán (Hoa)… và phát triển các mối quan hệ dân tộc ngày càng gắn bó thân thiết với nhau qua nhiều thế kỷ, cách ngày nay muộn nhất cũng đã trên dưới 300 năm.

**1. Cư dân tỉnh Sóc Trăng từ thời kỳ các chúa Nguyễn và triều Nguyễn cho đến trước năm 1975**

Trong thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn, cộng đồng cư dân đa dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng, chủ yếu là người Kinh, người Khmer và người Hoa đã tụ cư, lập nghiệp trên vùng đất này nhìn chung vẫn còn thưa thớt. Tuy nhiên, họ cư trú, sinh sống có mật độ dân số khá tập trung xung quanh khu vực sông Ba Thắc (hạ lưu sông Hậu), trên các cồn bãi, cù lao, giồng cát, ở những địa điểm tương đối thuận lợi cho việc trồng lúa, hoa màu, đánh bắt cá tôm và trao đổi, buôn bán theo sông rạch, hướng ra vùng biển Đông. Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, huyện Vĩnh Định thuộc trấn Vĩnh Thanh địa giới tuy rộng nhưng dân cư chưa đông nên chưa chia làm tổng[2]. Toàn huyện có 37 thôn, xóm, trong đó có 8 thôn là Đại Hữu, An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Đại Hòa, Long Phú, An Hòa, An Lạc và Mỹ Phước thuộc tỉnh Sóc Trăng hiện nay (Long Phú, An Hòa, An Lạc và Mỹ Phước là những thôn mới lập).

Khu vực cư trú, làm ăn, sinh sống của người Kinh, người Khmer và người Hoa lúc bấy giờ phân bố ngày càng mở rộng hơn ở thủ sở đạo Trấn Di (Vàm Tấn), bãi Hổ Châu hay Hoàng Dung (Cù Lao Dung), ngã ba sông Nguyệt Giang (Sóc Trăng), bến Tàu Trường (Trần Đề), chợ Bãi Xàu, hải trấn Mỹ Thanh… và tập trung khá đông ở Cù Lao Dung, chợ Bãi Xàu, bến Tàu Trường và cửa biển Mỹ Thanh.

Tại Cù Lao Dung, còn gọi Cù Lao Hổ (hay Hổ Châu), nay thuộc huyện Cù Lao Dung, người Kinh đã định cư, lập làng khá sớm ở đây, hình thành hai đơn vị hành chính là thôn An Thạnh Nhứt và thôn An Thạnh Nhì thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh dưới triều Nguyễn. Thổ sản của Cù Lao Dung có nhiều dừa nước nên trong hoạt động kinh tế của cư dân ở đây thường là khai thác lá dừa nước và bện chúng thành tấm để bán làm nghề sinh nhai[3]. Chợ Bãi Xàu, nay thuộc thị trấn Mỹ Xuyên (huyện Mỹ Xuyên) "xóm nhà nối liền, người Kinh, người Thổ ở lẫn, phơi muối đỏ để buôn bán

1, 2. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí,* Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.143, tr. 116.

3. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, *Sđd,* tr. 63 và Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí (Lục tỉnh Nam Việt)*, tập hạ, tỉnh An Giang, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1973, tr. 29.

**Bảng 9.1: Dân số hạt Sóc Trăng năm 1894 chia theo dân tộc**

| | Tổng số (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|
| Người Kinh | 32.952 | 49,02 |
| Người Khmer | 29.337 | 43,65 |
| Người Hoa | 4.871 | 7,25 |
| Người Pháp | 35 | 0,05 |
| Người Ấn | 22 | 0,03 |
| **Tổng số** | **67.217** | **100** |

làm nghề"[1]. Còn bến Tàu Trường, nay thuộc xã Trung Bình, huyện Long Phú, là nơi tàu buôn nước ngoài cập bến, buôn bán, "dân Kinh, dân Trung Quốc, dân Cao Miên ở lẫn nhau, phố chợ nối liền"[2].

Cửa biển Mỹ Thanh, nay thuộc xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, rộng 10 dặm, khi nước lớn sâu 12m và nước ròng (triều xuống) sâu 4m khá thuận lợi cho ghe xuồng đi lại và đánh bắt cá tôm. Vì thế, đây là nơi đã thu hút "ngư dân cư tụ, chài cá làm nghề". Trong thời vua Gia Long, ở cửa biển Mỹ Thanh có đặt thủ sở - hải trấn Mỹ Thanh và ở đây, "người Kinh, người Trung Quốc và người Cao Miên nhà cửa đông đúc, trồng thuốc lá, dưa quả và phơi tôm khô". Công việc làm ăn của họ có phần khấm khá, phát đạt hơn, "làm to hơn" so với một bộ phận khá đông người Hoa và người Khmer hay trồng thuốc lá, cải củ, dưa quả rất lớn và ngon ở cửa biển Ba Lai[3].

Trong thời Pháp thuộc, sau khi thực dân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây (năm 1867), dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 966.479 người, trong đó 28,5% cư dân sinh sống ở phía bắc sông Tiền, 43,8% cư dân sinh sống ở giữa sông Tiền và 27,7% cư dân sinh sống ở phía tây sông Hậu[4]. Theo J. C. Baurac, dân số hạt Sóc Trăng vào năm 1894 có 67.267 người[5], trong đó có 49,02% người Kinh (chiếm đa số), 43,64% người Khmer, 7,25% người Hoa, 0,05% người Pháp và 0,03% người Ấn (Bảng 9.1). Phần đất của huyện Vĩnh Châu lúc bấy giờ thuộc tổng An Trương (gồm 5 làng là Thạnh Hóa, Lạc Hóa, Lai Hòa, Vĩnh Châu và Vĩnh Phước) thuộc hạt Bạc Liêu.

Vào cuối thế kỷ XIX, theo *Monographie de la Province de Sóc Trăng* (năm 1904), hạt Sóc Trăng có 10 tổng, 93 làng và dân số của 91 làng (trừ làng Quảng Ân, tổng Định Mỹ và làng

1, 2, 3. Xem: Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí, Sđd*, tr. 61 - 62.

4. Xem: Nguyễn Công Bình, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Quới, *Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, 1995, tr. 36.

5. Xem: J. C. Baurac, *La Cochinchine et ses Habitants (Provinces de L'Ouest)*, p. 363.

**Bảng 9.2: Dân số của 10 tổng, 93 làng ở Sóc Trăng vào cuối thế kỷ XIX**

| STT | Số tổng | Số làng | Dân số (người) |
|---|---|---|---|
| 1 | Định Hòa | 11 | 11.693 |
| 2 | Định Khánh | 16 | 25.737 |
| 3 | Định Chí | 13 | 19.630 |
| 4 | Định Mỹ | 10 | 19.328 |
| 5 | Nhiêu Hòa | 7 | 8.862 |
| 6 | Nhiêu Khánh | 9 | 12.504 |
| 7 | Nhiêu Mỹ | 7 | 12.662 |
| 8 | Nhiêu Phú | 6 | 5.923 |
| 9 | Thạnh An | 7 | 22.241 |
| 10 | Thạnh Lợi | 7 | 14.332 |
| ***Tổng số*** | | ***93*** | ***152.912*** |

*Nguồn:* Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945)*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, t. 3, tr. 25 - 35.

Văn Trật, tổng Nhiêu Khánh không thấy có số liệu dân số) là 152.912 người, cao hơn gần 2,3 lần so với số liệu dân số mà J.C. Baurac đã thống kê vào năm 1894 (Bảng 9.2).

Các thành phần cư dân của hạt Sóc Trăng vào cuối thế kỷ XIX chủ yếu vẫn là người Kinh, người Khmer và người Hoa. Họ cư trú tập trung khá đông ở làng Hòa Tú (7.090 người) thuộc tổng Thạnh An, làng Thuận Hòa (5.818 người), trong đó có Bố Thảo thuộc tổng Nhiêu Mỹ, làng Mỹ Xuyên (5.392 người), Bãi Xàu thuộc tổng Định Chí, làng Bang Long (3.772 người) và khu vực Rạch Gòi (5.312 người), gồm làng Lịch Hội Thượng và làng Lịch Hội Trung hợp thành một khu dân cư thuộc tổng Định Mỹ, làng Kế Sách (4.179 người), làng Xuân Hòa (3.265 người) và làng Ba Trinh (3.009 người) thuộc tổng Định Khánh, làng Khánh Hưng (2.823 người) thuộc tổng Nhiêu Khánh…

Ngày 1-1-1900, chính quyền thuộc địa Pháp bãi bỏ đơn vị hành chính hạt, thành lập đơn vị hành chính tỉnh. Sóc Trăng là 1 trong 21 tỉnh của xứ Nam Kỳ. Dân số tỉnh Sóc Trăng vào đầu thế kỷ XX có khoảng 105.000 người, gồm có khoảng 57.000 người Kinh và người Kinh lai Hoa (54,3%), khoảng 38.000 người Khmer và người Khmer lai Hoa (36,2%) và khoảng 10.000 người Hoa (9,5%). Đó là chưa kể đến số người Pháp cùng với người Ấn và người Malaixia theo Hồi giáo (Islam) sinh sống tập trung tại tỉnh lỵ Sóc Trăng và trung tâm thương mại Bãi Xàu làm nghề buôn bán vải, cho

thuê xe hơi và làm việc cho người Ấn chuyên cho vay ở Sài Gòn[1].

Năm 1909, dân số tỉnh Sóc Trăng có 128.475 người, trong đó 95,5% dân số ở khu vực nông thôn và 4,5% dân số ở khu vực thành thị[2]. Dân số tỉnh Sóc Trăng lúc bấy giờ chiếm 4,4% so với tổng dân số chung và 1,73% so với tổng dân số ở khu vực thành thị của toàn Nam Kỳ. Cư dân thành thị sinh sống tập trung tại tỉnh lỵ Sóc Trăng (Khánh Hưng), các thị tứ Bãi Xàu, Đại Ngãi, Bố Thảo, Phú Lộc, Tà Liêu, Long Phú (Bang Long), Kế An, Thạnh Phú (Nhu Gia), Trường Khánh, Rạch Gòi (Lịch Hội Thượng và Lịch Hội Trung), Vũng Thơm (Phú Nổ và Lai Tâm)…

Cuối thế kỷ XIX, người Kinh và người Khmer cư trú khá đông tại Bố Thảo. Đầu thế kỷ XX, cư dân ở đây có 954 người, gồm có 654 người Khmer, người Khmer lai Hoa và 300 người Hoa[3]. Cuối thế kỷ XIX, có 250 người Kinh và người Khmer cư trú tại Phú Lộc. Đầu thế kỷ XX, cư dân ở đây có 263 người, gồm có 163 người Kinh, người Minh Hương và 100 người Hoa. Làng Xa Mau (cách Phú Lộc 800m) có 343 người, trong đó có 50 người Hoa. Làng Xa Mau được coi là một bộ phận hợp thành khu dân cư thị tứ Phú Lộc lúc bấy giờ. Cuối thế kỷ XIX, ở Tà Liêu có 245 người, hầu hết là người Khmer.

Đầu thế kỷ XX, tại tỉnh lỵ Sóc Trăng có 1.451 người, gồm có 771 người Kinh, 600 người Hoa, 50 người Âu và 30 người Ấn sinh sống tập trung tại làng Khánh Hưng. Tại Bãi Xàu có khoảng 6.000 người. Ngoài ra, người Khmer còn cư trú tập trung đông đảo trên các giồng nằm giữa Bãi Xàu và tỉnh lỵ Sóc Trăng. Tại Đại Ngãi có 300 người, gồm có 220 người Kinh, người Minh Hương và 80 người Hoa. Tại Long Phú (Bang Long) có 684 người, trong đó có 200 người Hoa. Tại Rạch Gòi (gồm Lịch Hội Thượng và Lịch Hội Trung) có 787 người, đa số là người Khmer và người Hoa. Tại Vũng Thơm có 912 người, gồm có 712 người Khmer, người Minh Hương và 200 người Hoa (Bảng 9.3).

Tính đến năm 1938, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có 16 chợ (Khánh Hưng, Mỹ Xuyên, Thuận Hòa, Đại Ngãi, Kế An, Long Phú, Nhu Gia, Phú Lộc, Lịch Trà, Phú Viên, Phú Nổ, Phước Tâm, Tân Thạnh, Lịch Hội Thượng, Tài Sum và Trường Khánh), cư dân sinh sống và buôn bán trong khu vực các chợ này chủ yếu là người Kinh và người Hoa [4].

Năm 1936, dân số tỉnh Sóc Trăng có 202.502 người, trong đó, 60% cư dân là người Kinh, gồm người Kinh gốc Nam Kỳ (121.249 người), người Kinh gốc Trung Kỳ và Bắc Kỳ (216 người); 26,9% cư dân là người Khmer (54.567 người); 13% cư dân là người Hoa, gồm người Hoa lai Kinh (14.050 người), người Hoa lai Khmer (3.803 người) và người Hoa mới di cư đến đây (8.392 người); 0,1% cư dân là người Pháp, gồm người Pháp ở chính quốc (45 người), người Pháp ở thuộc địa (3 người), người Pháp lai (36 người),

1, 2, 3, 4. Xem: Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945)*, *Sđd*, tr. 43, tr. 208 - 216, tr. 221, tr. 43.

**Bảng 9.3: Cư dân thành thị ở tỉnh Sóc Trăng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX**

| Stt | Các đô thị | Cuối thế kỷ XIX | Đầu thế kỷ XX | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Kinh | Khmer | Hoa | Các dân tộc khác |
| 1 | Sóc Trăng | | 1.451 | 771 | | 600 | 80 |
| 2 | Bãi Xàu | | 6.000 | | | | |
| 3 | Đại Ngãi | | 300 | 220* | | 80 | |
| 4 | Bố Thảo | | 954 | | 654 | 300 | |
| 5 | Phú Lộc | 250 người Kinh và Khmer | 263 | 163** | | 100 | |
| 6 | Tà Liêu | 245 người, hầu hết là Khmer | | | | | |
| 7 | Bang Long | | 684 | | | 200 | |
| 8 | Rạch Gòi | | 787 | | | | |
| 9 | Vũng Thơm | | 912 | | 712 | 200 | |

*. 220 người Kinh và người Minh Hương.

**. 163 người Kinh và người Minh Hương.

*Nguồn:* Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 209 - 221.

**Bảng 9.4: Dân số của 12 tổng, 56 làng ở tỉnh Sóc Trăng năm 1936**

| STT | Số tổng | Số làng | Dân số |
|---|---|---|---|
| 1 | Định Hòa | 6 | 12.800 |
| 2 | Định Khánh | 4 | 22.300 |
| 3 | Định Tường | 6 | 14.000 |
| 4 | Định Chí | 4 | 18.500 |
| 5 | Định Mỹ | 5 | 14.300 |
| 6 | Định Phước | 4 | 20.000 |
| 7 | Nhiêu Hòa | 5 | 8.500 |
| 8 | Nhiêu Khánh | 7 | 24.000 |
| 9 | Nhiêu Mỹ | 4 | 11.000 |
| 10 | Nhiêu Phú | 3 | 6.000 |
| 11 | Thạnh An | 4 | 5.200 |
| 12 | Thạnh Lợi | 4 | 6.000 |
| **Tổng số** | | **56** | **163.600** |

*Nguồn:* Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 45.

**Bảng 9.5: Dân số tỉnh Sóc Trăng năm 1965 chia theo giới tính và đơn vị hành chính**

| Stt | Quận | Số xã | Số ấp | Tổng số | Tỷ lệ (%) | Nam | Tỷ lệ (%) | Nữ | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kế Sách | 11 | 75 | 61.721 | 14,5 | 28.912 | 14,9 | 32.809 | 14,3 |
| 2 | Lịch Hội Thượng | 4 | 26 | 30.128 | 7,1 | 4.030 | 7,2 | 16.098 | 7 |
| 3 | Long Phú | 12 | 84 | 51.216 | 12,1 | 23.956 | 12,3 | 27.260 | 11,8 |
| 4 | Mỹ Xuyên | 9 | 91 | 112.423 | 26,5 | 51.962 | 26,7 | 60.461 | 26,3 |
| 5 | Thạnh Trị | 10 | 98 | 61.247 | 14,4 | 28.177 | 14,5 | 33.070 | 14,4 |
| 6 | Thuận Hòa | 7 | 54 | 57.591 | 13,6 | 26.632 | 13,7 | 30.959 | 13,4 |
| 7 | Vĩnh Châu* | 5 | 38 | 50.323 | 11,8 | 20.905 | 10,7 | 29.418 | 12,8 |
| **Tổng cộng** | | **58** | **66** | **424.649** | **100** | **194.574** | **100** | **230.075** | **100** |

*. Năm 1965 quận Vĩnh Châu thuộc tỉnh Bạc Liêu.
*Nguồn:* Điều tra dân số năm 1965.

người bản xứ nhập quốc tịch Pháp (97 người) và người Ấn là công dân Pháp (26 người); 0,01% cư dân là người Ấn, gồm người Ấn (4 người) và người Ấn mang quốc tịch Anh (14 người)[1]. Riêng dân số của 12 tổng, 56 làng của tỉnh Sóc Trăng trong thời gian này là 163.600 người (Bảng 9.4).

Như vậy, sau 42 năm (1894 - 1936), dân số tỉnh Sóc Trăng đã tăng lên 3,01 lần. Đến năm 1936, hầu hết người Kinh đã được coi là cư dân tại chỗ (121.249 người Kinh gốc Nam Kỳ). Người Kinh chiếm tỷ lệ gần bằng 2/3 (60%) dân số chung của tỉnh lúc bấy giờ. Sự phân bố cư trú của cư dân các dân tộc ở đây vừa tập trung, vừa xen kẽ, liền kề với nhau tại các địa bàn dân cư (làng mạc, thị tứ, tỉnh lỵ) và sinh sống gắn bó lâu bền với nhau qua việc thiết lập quan hệ hôn nhân hỗn hợp đa dân tộc giữa người Hoa với người Kinh (có 14.050 người Hoa lai Kinh), giữa người Hoa với người Khmer (có 3.803 người Hoa lai Khmer) và giữa người Pháp với người bản xứ (có 36 người Pháp lai). Lúc này còn có 216 người Kinh từ miền Trung, miền Bắc và 8.392 người Hoa từ miền Nam Trung Quốc nhập cư vào đây, góp phần làm cho diện mạo cư dân của tỉnh Sóc Trăng khá đa dạng về nguồn gốc dân cư và đa sắc thái về văn hóa các dân tộc.

Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975), theo số liệu thống kê của chế độ Sài Gòn trước năm 1975 cho thấy, dân số tỉnh Sóc Trăng vẫn tăng lên qua các năm. Năm 1965, dân số tỉnh Sóc Trăng, gồm dân số tỉnh Ba Xuyên (Kế Sách, Lịch Hội Thượng, Long Phú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Thuận Hòa) và dân số quận Vĩnh Châu thuộc tỉnh Bạc Liêu cộng gộp lại, có 424.649 người (Bảng 9.5), trong đó có 194.574 nam (45,8%) và 230.075

1. Xem: Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945)*, *Sđd*, tr. 44 - 45.

nữ (54,2%). Cư dân các dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng lúc này cư trú tập trung đông nhất ở Mỹ Xuyên, chiếm trên 1/4 (26,5%) dân số chung của tỉnh.

Theo *Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên*, dân số tỉnh Sóc Trăng năm 1971 (Mỹ Xuyên, Long Phú, Thuận Hòa, Kế Sách, Thạnh Trị, Lịch Hội Thượng, Ngã Năm và Hòa Tú) có 414.981 người (Bảng 9.6)[1], bao gồm 58,57% người Kinh (244.816 người), 35,02% người Khmer (146.367 người), 6,41% người Hoa (23.787 người) và 11 người nước ngoài. Nhìn chung, cư dân các dân tộc tỉnh Sóc Trăng đến thời điểm này vẫn cư trú tập trung đông nhất ở Mỹ Xuyên (29,84%), kế đến là Kế Sách (18,36%), Long Phú (12,91%), Thạnh Trị (11,28%), Thuận Hòa (9,63%), Lịch Hội Thượng (7,98%), Ngã Năm (6,87%) và Hòa Tú (3,13%).

Trong cơ cấu dân số chung của tỉnh Sóc Trăng năm 1971 chia theo đơn vị hành chính cấp quận (chưa tính được dân số quận Vĩnh Châu lúc này thuộc tỉnh Bạc Liêu), người Kinh chiếm trên 50% dân số chung ở 8 đơn vị, đó là Long Phú (76,95%), Ngã Năm (75,54%), Thạnh Trị (65,05%), Kế Sách (63,16%), Hòa Tú (55,15%), Lịch Hội Thượng (53,33%) và Mỹ Xuyên (51,41%). Người Khmer chiếm trên 50% dân số chung ở 1 đơn vị, đó là Thuận Hòa (56,27%), trên 25% dân số chung ở 5 đơn vị, đó là Mỹ Xuyên (43,66%), Lịch Hội Thượng (41,3%), Kế Sách (35,4%), Hòa Tú (34,46%) và Thạnh Trị (28,9%). Người Hoa chiếm tỷ lệ trên 10% dân số chung ở 3 đơn vị, đó là Ngã Năm (13,43%), Thuận Hòa (10,6%) và Hòa Tú (10,39%).

Đối với mỗi cộng đồng dân tộc, người Kinh cư trú tập trung ở Mỹ Xuyên (26,19%), Kế Sách (19,80%), Long Phú (16,96%) và Thạnh Trị (12,53%); người Khmer cư trú tập trung ở Mỹ Xuyên (37,20%), Kế Sách (18,56%) và Thuận Hòa (15,47%); người Hoa cư trú tập trung ở Mỹ Xuyên (22,92%), Hòa Tú (16,27%), Thuận Hòa (15,92%), Ngã Năm (14,40%) và Thạnh Trị (10,64%).

Đến năm 1972, dân số tỉnh Sóc Trăng, gồm dân số tỉnh Ba Xuyên (Hòa Tú, Kế Sách, Lịch Hội Thượng, Long Phú, Ngã Năm, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Thuận Hòa) và dân số quận Vĩnh Châu thuộc tỉnh Bạc Liêu cộng gộp lại, có 527.456 người[2]. Như vậy, sau 36 năm (1936 - 1972), dân số tỉnh Sóc Trăng tăng lên 2,6 lần. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975) diễn ra có tính khốc liệt, giằng co, kéo dài làm xáo trộn mạnh về dân cư và dân số ở tỉnh Sóc Trăng. Nhiều dòng người ở đây đã chuyển cư từ nông thôn đến các thành thị lớn ở trong và ngoài tỉnh, nhất là lên Sài Gòn - Chợ Lớn để làm ăn, sinh sống. Đồng thời, nhiều dòng người cũng đã chuyển cư vào làm ăn, sinh sống và tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế

1. Chưa tính được dân số chia theo thành phần dân tộc của quận Vĩnh Châu lúc này thuộc tỉnh Bạc Liêu.

2. *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 1972*, Viện Quốc gia thống kê Việt Nam Cộng hòa biên soạn và xuất bản, Sài Gòn, 1973, tr. 358.

**Bảng 9.6: Dân số ở Sóc Trăng (tỉnh Ba Xuyên) năm 1971 chia theo đơn vị hành chính và thành phần dân tộc**

| | Tổng số | | Kinh | | Khmer | | Hoa | | Các dân tộc khác | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % |
| **Tổng số** | **414.981** | **100** | **244.816** | **100** | **146.367** | **100** | **23.787** | **100** | **11** | **100** |
| | **100** | | **58,57** | | **35,02** | | **6,41** | | | |
| Mỹ Xuyên | 124.718 | 29,84 | 64.120 | 26,19 | 54.447 | 37,20 | 6.141 | 22,92 | 10 | 90,91 |
| | 100 | | 51,41 | | 43,66 | | 4,92 | | | |
| Long Phú | 53.949 | 12,91 | 41.513 | 16,96 | 10.017 | 6,84 | 2.419 | 9,03 | | |
| | 100 | | 76,95 | | 18,57 | | 4,48 | | | |
| Kế Sách | 76.735 | 18,36 | 48.467 | 19,8 | 27.163 | 18,56 | 1.104 | 4,12 | 1 | 9,09 |
| | 100 | | 63,16 | | 35,4 | | 1,44 | | - | |
| Thạnh Trị | 47.159 | 11,28 | 30.678 | 12,53 | 13.631 | 9,31 | 2.850 | 10,64 | - | |
| | 100 | | 65,05 | | 28,9 | | 6,04 | | | |
| Thuận Hòa | 40.247 | 9,63 | 13.332 | 5,44 | 22.649 | 15,47 | 4.266 | 15,92 | - | |
| | 100 | | 33,13 | | 56,27 | | 10,60 | | | |
| Lịch Hội Thượng | 33.372 | 7,98 | 17.797 | 7,27 | 13.784 | 9,42 | 1.791 | 6,69 | - | |
| | 100 | | 53,33 | | 41,3 | | 5,37 | | | |
| Ngã Năm | 28.727 | 6,87 | 21.699 | 8,86 | 3.170 | 2,16 | 3.858 | 14,40 | - | |
| | 100 | | 75,54 | | 11,03 | | 13,43 | | | |
| Hòa Tú | 10.074 | 3,13 | 7.210 | 2,94 | 1.506 | 1,03 | 1.358 | 16,27 | - | |
| | 100 | | 55,15 | | 34,46 | | 10,39 | | | |

*Nguồn: Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên*, 1971, tài liệu từ Cục Lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 24.

quốc Mỹ ở các chiến khu, vùng giải phóng, hình thành khối cộng đồng cư dân đa dân tộc có tính đặc thù trong thời chiến ở tỉnh Sóc Trăng nói riêng và vùng đất phía tây sông Hậu nói chung trước năm 1975.

**2. Cư dân tỉnh Sóc Trăng từ năm 1975 đến nay**

Năm 1975, dân số tỉnh Sóc Trăng có 768.784 người. Sau 81 năm (1894 - 1975), số dân ở đây tăng lên 11,4 lần. Theo Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1979, tỉnh Sóc Trăng có 905.000 người; Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1989, dân số Sóc Trăng là 1.068.584 người tăng lên 1,18 lần, trong vòng 10 năm[1]. Đến năm 1992, sau khi tỉnh Hậu Giang được tách ra thành tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng, dân số tỉnh Sóc Trăng có 1.121.828 người, tăng lên 1,02 lần (1.149.485 người) trong giai đoạn 1993 - 1995, 1,04 lần (1.191.300 người) trong giai đoạn 1996 - 2000,

1. Tổng hợp theo Tổng điều tra dân số năm 1979 và 1989.

## Bảng 9.7: Dân số trung bình các năm chia theo huyện/thành phố

| | 2000 | | 2005 | | 2006 | | 2007 | | 2008 | | 2010 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % |
| **Tổng số** | **1.191.300** | **100** | **126.994** | **100** | **127.643** | **100** | **1.283.721** | **100** | **129.564** | **100** | **1.300.826** | **100** |
| Sóc Trăng | 116.001 | 9,74 | 123.821 | 9,75 | 124.461 | 9,75 | 125.167 | 9,75 | 126.273 | 9,75 | 136.857 | 10,52 |
| Kế Sách | 159.884 | 13,42 | 169.869 | 13,38 | 170.746 | 13,38 | 171.716 | 13,38 | 173.233 | 13,38 | 158.756 | 12,2 |
| Mỹ Tú | 197.399 | 16,57 | 209.771 | 16,52 | 210.854 | 16,52 | 212.051 | 16,52 | 213.925 | 16,52 | 107.017 | 8,23 |
| Cù Lao Dung | | | 62.511 | 4,92 | 62.834 | 4,92 | 63.191 | 4,92 | 63.750 | 4,92 | 63.319 | 4,87 |
| Long Phú | 233.016 | 19,56 | 184.801 | 14,55 | 185.755 | 14,55 | 186.811 | 14,55 | 188.461 | 14,55 | 112.845 | 8,67 |
| Mỹ Xuyên | 188.120 | 15,79 | 199.895 | 15,74 | 200.927 | 15,74 | 202.069 | 15,74 | 203.854 | 15,74 | 156.370 | 12,02 |
| Ngã Năm | | | 79.442 | 6,25 | 79.852 | 6,25 | 80.305 | 6,25 | 81.015 | 6,25 | 80.168 | 6,16 |
| Thạnh Trị | 156.844 | 13,17 | 87.118 | 6,86 | 87.568 | 6,86 | 88.064 | 6,86 | 88.843 | 6,86 | 86.093 | 6,62 |
| Vĩnh Châu | 140.036 | 11,75 | 152.686 | 12,02 | 153.476 | 12,02 | 154.347 | 12,02 | 155.710 | 12,02 | 164.810 | 12,68 |
| Châu Thành* | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 101.379 | 7,79 |
| Trần Đề ** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 133.212 | 10,24 |

*. Huyện Châu Thành được chia ra từ huyện Mỹ Tú, số liệu dân số từ năm 2009.

**. Huyện Trần Đề được thành lập từ phần đất của 2 huyện Long Phú và Mỹ Xuyên, số liệu dân số từ năm 2010.

*Nguồn: Số liệu Thống kê của tỉnh Sóc Trăng năm 2008*, 2010.

1,06 lần (1.269.914 người) trong giai đoạn 2001 - 2005 và 1,02 lần (1.295.064 người) trong giai đoạn 2006 - 2008. Năm 2005, dân số tỉnh Sóc Trăng chiếm 1,52% tổng dân số của cả nước và 7,33% tổng dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; tỷ lệ tăng tự nhiên dân số là 1,34%, thấp hơn so với cả nước (1,37%), nhưng cao hơn so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (1,09%).

Mật độ dân số trung bình ở tỉnh Sóc Trăng năm 2006 là 385 người/km$^2$ và năm 2008 là 391 người/km$^2$, năm 2010 là 393 người/km$^2$. Năm 2006, mật độ dân số trung bình của tỉnh Sóc Trăng cao hơn so với cả nước (254 người/km$^2$), nhưng thấp hơn so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (429 người/km$^2$). Thành phố Sóc Trăng có mật độ dân số trung bình cao nhất (năm 2006: 1.635 người/km$^2$; năm 2008: 1.659 người/km$^2$, năm 2010 là 1.798 người/km$^2$) và huyện Cù Lao Dung có mật độ dân số trung bình thấp nhất (năm 2006: 241 người/km$^2$; năm 2008: 244 người/km$^2$; năm 2010: 242 người/km$^2$) so với các huyện khác trong tỉnh. Thành phố Sóc Trăng chỉ chiếm 2,3% tổng diện tích tự nhiên, nhưng chiếm đến 10,52% tổng dân số của tỉnh Sóc Trăng năm 2010. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn ra trong thời gian trước đây và hiện nay nhìn chung vẫn còn chậm. Cư dân thành thị sinh sống tập trung ở thành phố Sóc Trăng, tại các thị trấn và thị tứ của các huyện Kế Sách, Mỹ Tú, Cù Lao Dung, Long Phú, Mỹ Xuyên, Ngã Năm, Thạnh Trị và Vĩnh Châu mới chiếm 15,29% năm 1992, tăng lên 17,08% năm 1995, 18,27% năm 2000, 18,44% năm 2008, 22,45% năm 2010.

Cuối năm 2010, tỉnh Sóc Trăng có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố (Sóc Trăng, Châu Thành, Kế Sách, Long Phú, Cù Lao Dung, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm và Vĩnh Châu, Trần Đề), gồm 109 xã, phường, thị trấn, 775 ấp, khóm với tổng dân số là 1.300.826 người, trong đó có 64,24% người Kinh, 30,41% người Khmer, 5,02% người Hoa và 0,03% dân tộc khác (Bảng 9.8).

Trong 11 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố của tỉnh Sóc Trăng năm 2010, có 2 huyện Vĩnh Châu và Trần Đề người Khmer chiếm đa số, cao hơn người Kinh. Huyện Vĩnh Châu có 87.105 người Khmer chiếm 52,85%, so với 48.423 người Kinh chiếm 29,38%. Huyện Trần Đề có 65.386 người Khmer chiếm 49,08% so với 63.827 người Kinh chiếm 47,91%. Huyện Châu Thành có người Khmer và người Kinh tương đương nhau (Khmer có 48.505 người, chiếm 47,85%; Kinh có 49.647 người, chiếm 48,97%). Còn lại 7 đơn vị huyện khác, người Kinh chiếm đa số.

Sóc Trăng là tỉnh có nhiều người Hoa. Năm 2010, số người Hoa ở Sóc Trăng là 65.311 người, chiếm 5,02% dân số. Các huyện có đông người Hoa là Vĩnh Châu 29.247 người, chiếm 17,75% dân số; thành phố Sóc Trăng 17.383 người chiếm 12,70% dân số. Đáng lưu ý là tỷ lệ người Khmer trong

thành phần dân số của tỉnh ngày càng tăng so với người Hoa và người Kinh.

Nhìn chung, tỉnh Sóc Trăng có cơ cấu dân số trẻ nên nguồn lao động dồi dào. Số người trong độ tuổi lao động so với tổng dân số của tỉnh, chiếm tỷ lệ 59,1% năm 2000, 59,8% năm 2006 và 56,05% năm 2010. Số lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế so với tổng số lao động của tỉnh, chiếm tỷ lệ 81,7% năm 2000 và 87,51% năm 2006. Tuy nhiên, số lao động đã qua đào tạo so với dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh có tỷ trọng còn thấp (năm 2000: 8,7% và năm 2006: 14,2%). Năm 2006, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,13% và tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn là 81%. Năm 2009, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,48% (nam: 4,98%; nữ: 3,88%). Số lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế ở tỉnh Sóc Trăng năm 2008 có 702.850 người, trong đó có 54,85% lao động nam và 45,15% lao động nữ. Năm 2010, Sóc Trăng có 729.061 lao động đang làm việc, trong đó 55,19% là lao động nam và 44,81% là lao động nữ. Số lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản có chiều hướng giảm dần từ 68,57% năm 2006, giảm xuống còn 66,28% năm 2007 và 61,96% năm 2008.

Tuy nhiên, đa số cư dân các dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay vẫn là cư dân nông nghiệp và họ cư trú tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, chiếm đến 81,56% tổng dân số của tỉnh năm 2008 và 77,54% năm 2010. Người Kinh, người Khmer và người Hoa đã cộng cư với nhau ở nhiều ấp, khóm của các xã, phường, thị trấn trên các vùng sinh thái đồng bằng, vùng đất giồng ven sông, rạch và ven biển của tỉnh Sóc Trăng. Nhưng nhìn trên bình diện chung trong toàn tỉnh Sóc Trăng thì người Kinh đã có mặt ở khắp mọi nơi, ở cả nông thôn lẫn thành thị, còn đa số người Hoa cư trú ở khu vực thành thị và tuyệt đại bộ phận người Khmer sinh sống ở khu vực nông thôn.

Ở tỉnh Sóc Trăng, các khu dân cư của người Kinh, người Khmer và người Hoa phân bố trên 4 loại hình cư trú cơ bản, đó là loại hình cư trú ven sông rạch và trục lộ giao thông, loại hình cư trú trên đất giồng, loại hình cư trú trên đồng ruộng và loại hình cư trú ven biển. Ở đây, loại hình cư trú ven sông, rạch và trục lộ giao thông là phổ biến đối với cư dân các dân tộc, nhất là đối với người Kinh. Điển hình cho kiểu cư trú truyền thống theo tuyến ven sông, rạch là các khu vực dân cư nhà vườn ở các xã dọc theo hạ lưu sông Hậu thuộc huyện Cù Lao Dung, huyện Kế Sách, huyện Long Phú. Trong khi đó, người Khmer và một bộ phận cũng khá đông người Hoa Triều Châu sinh sống vừa tập trung, vừa xen kẽ với nhau, hợp thành không gian cư trú có tính đặc thù trên vùng đất giồng ven sông, rạch và ven biển. Điển hình cho loại hình cư trú này là sự hợp thành các phum sóc của người Khmer và các khu dân cư của người Hoa ở huyện Vĩnh Châu. Còn loại hình cư trú trên đồng ruộng và loại hình cư trú ven biển là tập hợp những xóm làng người Kinh, phum sóc người Khmer, khu dân cư người

## Bảng 9.8: Dân số Sóc Trăng năm 2010 chia theo đơn vị hành chính và thành phần dân tộc

| | Tổng số | | Kinh | | Khmer | | Hoa | | Các dân tộc khác | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % | TS | % |
| ***Tổng số*** | **1.300.826** | **100** | **835.629** | **100** | **399.463** | **100** | **65.311** | **100** | **423** | **100** |
| | **100** | | **64,24** | | **30,71** | | **5,02** | | **0,03** | |
| TP. Sóc Trăng | 136.857 | 10,52 | 87.562 | 10,48 | 31.784 | 7,96 | 17.383 | 26,62 | 128 | 30,26 |
| | **100** | | **63,97** | | **23,22** | | **12,70** | | **0,11** | |
| Châu Thành | 101.379 | 7,79 | 49.647 | 5,94 | 48.505 | 12,14 | 3.167 | 4,85 | 60 | 14,18 |
| | **100** | | **48,97** | | **47,85** | | **3,12** | | **0,06** | |
| Kế Sách | 158.756 | 12,2 | 140.498 | 16,81 | 17.334 | 4,34 | 898 | 1,37 | 26 | 6,15 |
| | **100** | | **88,50** | | **10,92** | | **0,57** | | **0,02** | |
| Mỹ Tú | 107.017 | 8,23 | 79.503 | 9,51 | 26.420 | 6,61 | 1.077 | 1,65 | 17 | 4,02 |
| | **100** | | **74,29** | | **24,69** | | **1,01** | | **0,02** | |
| Cù Lao Dung | 63.319 | 4,87 | 59.214 | 7,09 | 4.040 | 1,01 | 49 | 0,08 | 16 | 3,78 |
| | **100** | | **93,52** | | **6,38** | | **0,08** | | **0,03** | |
| Long Phú | 112.845 | 8,67 | 79.680 | 9,54 | 32.228 | 8,07 | 910 | 1,39 | 27 | 6,38 |
| | **100** | | **70,61** | | **28,56** | | **0,81** | | **0,02** | |
| Mỹ Xuyên | 156.370 | 12,02 | 100.211 | 11,99 | 51.807 | 12,97 | 4.336 | 6,64 | 16 | 3,78 |
| | **100** | | **64,09** | | **33,13** | | **2,77** | | **0,01** | |
| Ngã Năm | 80.168 | 6,16 | 74.023 | 8,86 | 5.319 | 1,33 | 803 | 1,23 | 23 | 5,44 |
| | **100** | | **92,33** | | **6,63** | | **1,00** | | **0,03** | |
| Thạnh Trị | 86.093 | 6,62 | 53.041 | 6,35 | 29.535 | 7,39 | 3.486 | 5,34 | 31 | 7,33 |
| | **100** | | **61,61** | | **34,31** | | **4,05** | | **0,04** | |
| Vĩnh Châu | 164.810 | 12,67 | 48.423 | 5,79 | 87.105 | 21,81 | 29.247 | 44,78 | 35 | 8,27 |
| | **100** | | **29,38** | | **52,85** | | **17,75** | | **0,02** | |
| Trần Đề | 133.212 | 10,24 | 63.827 | 7,64 | 65.386 | 16,37 | 3.955 | 6,06 | 44 | 10,4 |
| | **100** | | **47,91** | | **49,08** | | **2,97** | | **0,03** | |

*Nguồn: Tổng hợp theo số liệu thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2010.*

Hoa kết hợp làm ruộng, chăn nuôi vịt đàn, nuôi cá… trên vùng sinh thái nước ngọt, hoặc kết hợp trồng hoa màu, trồng rừng, làm nghề chài lưới, đóng đáy, làm muối, nuôi tôm… trên vùng sinh thái nước mặn ở ven biển Đông.

Tựu trung lại, cư dân các dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng đã tập hợp lại thành xóm làng gắn với đình làng thờ Thành Hoàng của người Kinh, thành phum sóc gắn với chùa chiền thờ Phật theo Phật giáo Nam tông của người Khmer và thành khu dân cư gắn với hội quán và các cơ sở tín ngưỡng thờ Quan Công, Ông Bổn, Bà Thiên Hậu của người Hoa. Tiến trình lịch sử ngót 300 năm cùng chung sức, hợp lực với nhau trong công cuộc khai khẩn đất đai, phát triển kinh tế - xã hội và tiếp xúc, giao lưu văn hóa lẫn nhau, cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng đã kiến tạo nên diện mạo cư dân và văn hóa của một địa phương đa dạng sắc thái văn hóa của người Kinh, người Khmer và người Hoa.

## II. DÂN TỘC

Theo các nguồn thư tịch cổ và số liệu thống kê của những năm 1894, 1971, 1999, 2008 và 2010 cho thấy, người Kinh, người Khmer và người Hoa là những thành phần dân tộc cơ bản hợp thành cơ cấu cư dân đa dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng ngay từ thời kỳ đầu khai khẩn đất đai, xây dựng và phát triển vùng đất này cho đến nay (Bảng 9.9). Mỗi dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng có một nền văn hóa riêng, đặc sắc, biểu hiện sắc nét trong đời sống văn hóa vật chất và đời sống văn hóa tinh thần của mỗi cộng đồng.

### 1. Cộng đồng người Kinh

Người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay có nguồn gốc chủ yếu ở vùng Ngũ Quảng, di cư đến Nam Bộ vào thế kỷ XVI - XVII để xúc tiến công cuộc khai khẩn đất phương Nam dưới thời các chúa Nguyễn. Họ tụ cư, lập nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng khoảng từ nửa đầu thế kỷ XVIII[1], có muộn hơn so với những địa phương khác ở gần sông nhưng xa biển Đông của phần đất phía tây sông Hậu. Sự phân bố cư trú của người Kinh có xu hướng ngày càng phát triển mở rộng ra bên bờ phía nam hạ lưu sông Hậu, tập trung khá đông xung quanh khu vực sông Ba Thắc từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX với nhiều đợt di dân phần lớn theo sự chiêu mộ dân binh khắp xứ Nam Kỳ lục tỉnh và xa hơn nữa là các tỉnh miền Trung để thực hiện chính sách khẩn hoang, lập đồn điền, lập ấp dưới triều Nguyễn, vào thời vua Minh Mạng và vua Tự Đức. Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, Cù Lao Dung, bến Tàu Trường, chợ Bãi Xàu, cửa biển Mỹ Thanh là những tụ điểm cư dân đầu tiên ở tỉnh Sóc Trăng có người Kinh sinh sống cùng với người Khmer và người Hoa[2]. Ở đây, An Thạnh, Đại Hữu, Đại Hòa, Long Phú, An Hòa, Mỹ Phước, An Lạc… là những làng của

1. Xem: TS. Nguyễn Đức Nhuệ: "*Một số nét về sự hình thành các tụ điểm cư dân ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX*" trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Nxb. Thế giới, 2006, tr. 179.

2. Xem: Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí, Sđd,* tr. 61 - 65.

## Bảng 9.9: Dân số tỉnh Sóc Trăng các năm 1894, 1971, 1999, 2008 và 2010 chia theo dân tộc

| | 1894 | | 1971 | | 1999 | | 2008 | | 2010 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | *Dân số* | *Tỷ lệ (%)* | *Dân số* | *Tỷ lệ (%)* | *Dân số* | *Tỷ lệ (%)* | *Dân số* | *Tỷ lệ (%)* | *Dân số* | *Tỷ lệ (%)* |
| **Tổng số** | **67.217** | **100** | **417.981** | **100** | **1.172.404** | **100** | **1.295.064** | **100** | **1.300.826** | **100** |
| Kinh | 32.950 | 49,02 | 244.816 | 58,57 | 765.397 | 65,28 | 843.905 | 65,16 | 835.629 | 64,24 |
| Khmer | 29.337 | 43,65 | 146.367 | 35,02 | 338.269 | 28,85 | 374.587 | 28,93 | 399.463 | 30,71 |
| Hoa | 4.871 | 7,25 | 26.787 | 6,41 | 68.404 | 5,84 | 76.203 | 5,88 | 65.311 | 5,02 |
| Các dân tộc khác | 57 | 0,08 | 11 | - | 334 | 0,03 | 369 | 0,03 | 423 | 0,03 |

*Nguồn:*

- Năm 1894: Theo J. C. Baurac : *La Cochinchine et ses Habitants (Provinces de L'Ouest)*, tr. 363.
- Năm 1971: *Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên*, xuất bản năm 1971.
- Năm 1999: *Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1-4-1999.*
- Năm 2008 : *Số liệu của Cục Thống kê Sóc Trăng năm 2008, 2010.*

người Kinh đã được thiết lập trong thời kỳ đầu khai khẩn vùng đất này[1].

Từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cho đến nay, người Kinh vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cộng đồng cư dân đa dân tộc của tỉnh Sóc Trăng, chiếm 49,02% năm 1894 (người Khmer: 43,64% và người Hoa: 7,25%), 58,57% năm 1971, 65,28% năm 1999, 65,18% năm 2008 và 64,24% năm 2010. Có thể nói, người Kinh đã sớm thích nghi và hội nhập vào với vùng đất và con người của tỉnh Sóc Trăng. Họ nắm giữ vai trò chủ đạo trong việc khai khẩn đất đai, xây dựng và phát triển nơi này trở thành vựa lúa, vùng nông nghiệp sinh thái đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi thích hợp trên tiểu vùng sinh thái nước ngọt và tiểu vùng sinh thái nước mặn. Người Kinh, người Khmer và người Hoa đã kiến tạo nên diện mạo văn hóa vùng đất Sóc Trăng thống nhất trong đa dạng sắc thái văn hóa của các dân tộc.

### *1.1. Hoạt động kinh tế*

Nông nghiệp là loại hình hoạt động kinh tế chủ yếu của người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng. Họ làm ruộng, trồng lúa là chính tại "vùng cửa sông, cù lao ven sông và xung quanh các đồn điền, doanh trại, lỵ sở hành chánh"[2], theo phương thức "móc lõm"[3] vào thời kỳ đầu lập nghiệp. Ở huyện Vĩnh Định lúc bấy giờ có ruộng bàu trồng lúa "tháng 6 gieo mạ, tháng 8 cấy, tháng giêng gặt". Ngoài cây lúa, cư dân ở đây còn trồng khoai môn, đậu, bắp và khoai lang[4]. Sống gắn bó lâu đời với đồng ruộng, người Kinh cùng với người Khmer và người Hoa đã lai tạo, sử dụng có hiệu quả kinh tế nhiều giống lúa địa phương trong thời Pháp thuộc và "lúa Sóc Trăng nổi tiếng với tên gọi "lúa Bãi Xàu" được thị trường Viễn Đông ưa chuộng"[5]. Đến trước năm 1975, ngoài sử dụng các giống lúa địa phương, người Kinh cũng đã canh tác lúa thần nông trên diện rộng trong vùng đồng bằng duyên hải này. Hiện nay, đa số người Kinh vẫn là cư dân nông nghiệp. Họ canh tác lúa từ 2 - 3 vụ/năm và lần hồi chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp theo nền nông nghiệp sinh thái.

Song song đó, người Kinh còn lập vườn trồng cây ăn trái trên nền đất phù sa nước ngọt ở các cù lao, cồn bãi nằm dọc theo hai bên bờ hạ lưu sông Hậu (Kế Sách, Long Phú, Cù Lao Dung…) tạo thành "miệt vườn" trù phú và sung túc hơn hẳn so với "miệt ruộng" và "miệt giồng". Ở huyện Cù Lao Dung, người Kinh đã khai thác đất đai làm

1. Các làng này trở thành đơn vị hành chính cấp thôn vào thời vua Gia Long (1802), trong đó làng An Thạnh được tách ra làm 2 thôn là An Thạnh Nhứt thôn và An Thạnh Nhì thôn.

2. Huỳnh Lứa (Chủ biên): *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 69 - 70.

3. Nguyễn Công Bình, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Quới: *Đồng bằng sông Cửu long – Nghiên cứu và phát triển,* Nxb. Khoa học xã hội, 1995, tr. 34.

4. Xem: Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí, Sđd*, tr. 158.

5. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 149.

ruộng, trồng lúa là chính trước đây, lập vườn trồng cây ăn trái (cam, bưởi, quít, xoài…) vào thập kỷ 70 của thế kỷ XX, rồi chuyển đổi cây trồng từ một vụ lúa mùa năng suất thấp, bấp bênh sang trồng mía và hoa màu (khoai, đậu, bắp lai…) từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX.

Chăn nuôi gia súc (trâu, bò, heo), gia cầm (gà, vịt), nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước mặn nhìn chung được phát triển ngày càng mở rộng ra hơn trong người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, các loại tôm càng xanh, cá tai tượng, cá bống tượng, cá sặc rằn, cá trê, ếch dành cho xuất khẩu, cá trê phi, cá mè, cá chép, cá trôi dành cho tiêu dùng nội địa đã được nuôi nhiều trên tiểu vùng sinh thái nước ngọt và tôm sú là chính được nuôi diện rộng trên tiểu vùng sinh thái nước mặn nhằm đa dạng hóa các loại vật nuôi thích hợp tại các tiểu vùng sinh thái khác nhau ở địa phương.

Ngoài trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, người Kinh cũng đã xúc tiến việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất đai, sông, biển, rừng cây tại chỗ và các loại cây trồng, vật nuôi dùng làm nguyên liệu sản xuất thủ công nghiệp, tạo ra nhiều loại sản phẩm, công cụ, vật dụng cần thiết, quen dùng cho họ.

Dưới triều Nguyễn, nghề trồng bông, kéo sợi, dệt vải và trồng dâu, ươm tơ, dệt lụa trên toàn vùng Nam Bộ cũng như tại tỉnh Sóc Trăng, nơi nào cũng có[1]. Nghề chằm lá dừa nước được dùng để lợp mái, che vách nhà, lót lúa gạo ở Bến Bạ, nay là chợ Bến Bạ thuộc thị trấn Cù Lao Dung khá nổi tiếng trước đây. Nghề đan lưới trong các xóm đáy, xóm chài, xóm lưới như ở xóm Đáy thuộc ấp Mỹ Thanh, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu lâu nay đã thu hút khá đông lao động của cộng đồng này. Nghề đóng ghe xuồng (xuồng ba lá kiểu vỏ gòn, xăm bản mũi bằng để đi lại trên sông, rạch, ghe cui để đi biển…) dùng làm phương tiện giao thông vận tải và đánh bắt cá, tôm trong sông, ngoài biển Đông, phân bố dọc theo các sông rạch (rạch Bà Chủ…), tại những nơi "trên bến, dưới ghe". Cho đến nay, người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng vẫn còn lưu giữ một số nghề thủ công chằm lá dừa nước, bó chổi, làm gạch, ép mía nấu đường, đóng ghe xuồng, làm gốm, làm gạch, chế biến các loại mắm, nước mắm… nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu đời sống cư dân.

Cùng với người Hoa, người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng đã tham gia vào việc trao đổi, buôn bán lúa gạo, muối, cá tươi, cá khô, mắm cá… trong thời gian trước đây và hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ hiện nay ở cả khu vực thành thị lẫn khu vực nông thôn. Chợ Bãi Xàu - một chợ "trên bến dưới ghe", là trung tâm thương mại bậc nhất của xứ Ba Thắc dưới triều Nguyễn[2]. Cảng cá Trần Đề và thương cảng Đại Ngãi có vị trí, vai trò quan trọng trong việc phát triển các loại hình kinh doanh và dịch vụ hướng biển. Chợ nổi Ngã

1. Trịnh Hoài Đức : *Gia Định thành thông chí, Sđd*, tr. 61.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí, Sđd*, tr. 36.

Năm, Cái Côn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng hợp cùng chợ nổi Ngã Bảy trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trở thành tuyến đường thương mại, dịch vụ đặc thù, mang sắc thái văn hóa kinh doanh độc đáo của cư dân vùng sông nước.

Ngoài ra, trong quá trình ứng xử, thích nghi với môi trường sinh thái của vùng đất ở rìa châu thổ giáp biển Đông, người Kinh còn tiếp cận, khai thác nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên trong săn bắt thú, chim, hái lượm các loại rau, động vật nhuyễn thể (nghêu, sò…), khai thác gỗ cây rừng và đánh bắt cá, tôm trong sông, ngoài biển. Người Kinh ở xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu và xã Trung Bình, huyện Trần Đề có truyền thống làm nghề đánh bắt cá, tôm trên biển bằng các hình thức đóng đáy (trước đây), bủa lưới, đẩy te, kéo cào (gần đây và hiện nay) ven bờ và xa bờ. Cách ngày nay khoảng 60 năm, cư dân người Kinh ở Mỹ Thanh đánh bắt cá đường, cá gộc, cá ''rúng'' và bong bóng cá đường trở thành sản phẩm hàng hóa thu hút khách hàng nhiều nơi đến đây mua đi, bán lại. Xóm đáy, xóm chài, xóm lưới mọc lên tại các cửa sông Mỹ Thanh, Trần Đề và Định An.

Nhìn chung, người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng đã phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên và "biến" chúng trở thành nhiều loại nông, lâm, thủy sản hàng hóa phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Đời sống vật chất và tinh thần của người Kinh ngày càng được nâng cao rõ rệt. Hiện nay, số hộ gia đình có mức sống từ trung bình trở lên chiếm 75,55% năm 2001, tăng lên 75,97% năm 2005 và số hộ gia đình nghèo giảm từ 26,45% năm 2001 xuống 24,03% năm 2005 và 19,84% năm 2010 so với tổng số hộ gia đình người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng trong những năm này (Bảng 9.10).

### *1.2. Đời sống văn hóa vật chất*

Người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng trước đây thường khai thác và sử dụng các loại cây mắm (mắm đen và mắm trắng), bần (bần chua và bần đắng), cóc, đước, sú (sú ổi, sú bần và sú chông) ở vùng rừng ngập mặn ven biển Đông, cây tràm ở vùng đất phèn giáp với tỉnh Hậu Giang, tỉnh Bạc Liêu và cây dừa nước ở vùng nước lợ để xây dựng nhà cửa. Trong những năm đầu thế kỷ XX, người Kinh "sống phần nửa đời mình trên sông nước" và "quan tâm nhiều hơn vào đồng ruộng". Họ cư trú chủ yếu ở ven sông, rạch và làm nhà ở còn tạm bợ, là những căn nhà lợp lá, thấp và tối, khuất dưới rặng dừa hay rặng tre. Đồ vật trang trí trong nhà cũng đơn giản, có một tấm phản nhỏ bằng ván hoặc bằng phên đan, một bàn thờ tổ tiên, vài chiếc ghế đẩu bằng tre. Tuy nhiên, đối với những người Kinh khá giả, nhà ở của họ được xây dựng bằng gạch và gỗ quý, lợp ngói và chạm trổ công phu. Đồ đạc trong nhà cũng tươm tất hơn, có giường phản làm bằng gỗ quý (trắc, cẩm lai…), ghế chạm trổ, tủ sập cẩn xà cừ[1].

1. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 46.

**Bảng 9.10: Loại hộ**

| | 2001 | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng số | | Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | | Tổng số | |
| | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) |
| **Toàn tỉnh** | **241.172** | **100** | **167.016** | **100** | **74.156** | **100** | **267.380** | **100** |
| Tỷ lệ (%) | 100 | | 69,25 | | 30,75 | | 100 | |
| Người Kinh | 159.352 | 65,92 | 116.943 | 70,02 | 42.049 | 56,70 | 174.582 | 65,29 |
| Tỷ lệ (%) | 100 | | 73,55 | | 26,45 | | 100 | |

*Nguồn:* Tổng hợp theo số liệu thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2001, 2005 và 2010.

Nhà ở truyền thống của người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng phổ biến là loại nhà cột giữa được ưa chuộng đối với những hộ gia đình có mức sống trung bình và loại nhà trính trỏng hoặc nhà rường theo cấu trúc nhà truyền thống của người Kinh ở miền Trung được ưa chuộng đối với những hộ gia đình, dòng họ lớn, lâu đời có mức sống khá giả, giàu có. Hiện nay, đời sống kinh tế hộ gia đình người Kinh ngày càng được nâng cao hơn nên nhà ở của họ cũng đã được xây dựng kiên cố với các loại vật liệu bền vững hơn (gạch ngói, tôn, xi măng, cốt thép…) để thay thế dần những căn nhà lá tạm bợ. Khuôn viên căn nhà cũng rộng, thoáng hơn và vật dụng sinh hoạt, trang trí trong nhà cũng đa dạng và hiện đại hơn.

Về trang phục, ngoài chiếc áo dài, khăn đóng dành cho nam nữ mặc, đội nhân dịp lễ hội cộng đồng và áo dài, nón xếp quai mây dành cho phụ nữ mặc, đội để đi cấy trước năm 1945, bộ đồ bà ba đen là loại trang phục truyền thống được cả nam lẫn nữ người Kinh trong toàn vùng Nam Bộ và tại tỉnh Sóc Trăng trước đây may mặc thường xuyên hằng ngày. Bộ đồ bà ba đen đã trở thành biểu tượng, thể hiện tính cách giản dị trong cuộc sống, lam lũ trong lao động, thích nghi và thân thiện với môi trường vùng đồng bằng sông nước này của người nông dân Nam Bộ nói chung.

Từ thời Pháp thuộc trở về sau này, âu phục lần hồi thay thế Việt phục. Chiếc áo dài và bộ đồ bà ba truyền thống của người Kinh vì thế cũng dần mai một. Hiện nay, chỉ có một bộ phận

**gia đình người Kinh**

| 2005 | | | | 2010 | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | | Tổng số | | Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | |
| TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) |
| **191.092** | **100** | **76.288** | **100** | **311.159** | **100** | **235.520** | **100** | **75.639** | 100 |
| 71,47 | | 28,53 | | 100 | - | 75,69 | - | 24,31 | - |
| 132.636 | 69,40 | 41.946 | 54,98 | 203.808 | 65,50 | 163.364 | 87,00 | 40.444 | 13 |
| 75,97 | | 24,03 | | 100 | - | 80,16 | - | 19,89 | - |

người Kinh lớn tuổi ở tỉnh Sóc Trăng còn may mặc các loại trang phục này.

Người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng sớm đã thích nghi với vùng đất này trong sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và săn bắt, hái lượm các loài động, thực vật hoang dã để làm lương thực, thực phẩm, góp phần bảo đảm đời sống thường ngày của họ. Ngoài lúa gạo, các loại củ, quả, rau, đậu, thịt, cá, tôm… do trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng mà có, người Kinh còn đánh bắt cá tôm (cá, tôm, cua, nghêu, sò…), săn bắt thú chim (khỉ, chim, trăn, rắn, dơi…), hái lượm rau, củ, quả (bồn bồn, kèo nèo, củ năn, củ co, bông súng, bần, dừa nước…) và chế biến chúng thành đồ ăn, thức uống cần thiết, quen dùng hằng ngày.

Cơ cấu bữa ăn của người Kinh nhìn chung khá đa dạng với đồ ăn, thức uống sử dụng các loại lương thực, thực phẩm tại địa phương. Canh chua cá tra bần (trái bần chua nấu với cá tra bần), mắm tép Nhu Gia, mắm tép chao Mỹ Thanh, mắm chao cá sặc, tép rang cháy mỡ tỏi Cù Lao Dung, bồn bồn Ngã Năm (xào, nấu canh, muối dưa)… mỗi thứ mang một hương vị, phong cách của mỗi địa phương, tiểu vùng sinh thái. Đặc biệt, bánh xèo được chế biến từ bột gạo, thịt, tép, năn và ăn với nhiều loại rau (lá cát lồi, lá cách, lá bồ đề, lá sung…) đã trở thành món ăn đặc trưng của người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng.

### *1.3. Đời sống văn hóa tinh thần*

Người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay tin theo nhiều tôn giáo thế giới và

tôn giáo bản địa khác nhau (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo...). Trong đó, Phật giáo Bắc tông đã đồng hành với họ ngay từ những ngày đầu lập nghiệp trên vùng đất này và trở thành tôn giáo của đông đảo cư dân. Trong làng Kinh lâu đời ở tỉnh Sóc Trăng thường có đình làng và chùa làng hợp thành cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo của làng và là chỗ dựa tinh thần của cộng đồng.

Nhìn chung, có nhiều chùa Phật Bắc tông của người Kinh được thành lập vào khoảng nửa cuối thế kỷ XIX tại những địa điểm cư dân tập trung ở tỉnh Sóc Trăng. Ví như, Quan Âm cổ tự (chùa Quan Âm) được thành lập năm 1860 ở lỵ sở huyện Vĩnh Định, nay thuộc xã Đại Ngãi, huyện Long Phú và chùa Hải Phước An được thành lập năm 1887 ở khu vực hải trấn Mỹ Thanh, nay thuộc xã Lạc Hòa, huyện Vĩnh Châu...

Là cư dân nông nghiệp, tín ngưỡng dân gian của người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng có liên quan mật thiết đến sản xuất nông nghiệp, theo chu kỳ sinh trưởng của cây lúa. Đối với họ, đình là cơ sở tín ngưỡng cộng đồng của làng, nơi thờ Thành Hoàng, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ... Ở tỉnh Sóc Trăng, có nhiều đình làng tôn thờ vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực và tôn vinh Ông như là Thần (Thành Hoàng) của làng.

Trước đây, người Kinh tổ chức 4 lễ hội cúng đình hằng năm, gồm lễ kỳ yên, lễ hạ điền, lễ thượng điền và lễ chạp miễu. Kỳ yên (cầu an) là lễ hội lớn nhất trong năm tại đình, thu hút đông đảo các thành phần cư dân của làng tham gia thực hành nghi lễ và tham dự hội với sự biểu diễn của các loại hình nghệ thuật hát bội, cải lương, đờn ca tài tử, múa bóng, trò chơi dân gian... vào những ngày lễ được tổ chức trong thời gian sau tết Nguyên đán và trước khi bước vào canh tác vụ lúa mùa. Trong khi đó, lễ chạp miễu được tổ chức vào thời điểm cuối năm sau khi thu hoạch xong vụ lúa mùa và trước khi chuẩn bị đón tết Nguyên đán. Còn hạ điền và thượng điền là những lễ hội đánh dấu sự khởi đầu (hạ điền) và kết thúc (thượng điền) công việc đồng áng.

Ở tỉnh Sóc Trăng, đình Hòa Tú là một trong những ngôi đình được thành lập khá sớm và được sắc phong vào thời vua Tự Đức thứ V (năm 1852). Năm 1992, đình Hòa Tú được Bộ Văn hóa - Thông tin, nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia. Ngoài hệ thống thần linh theo quan niệm truyền thống của làng, đình Hòa Tú còn tôn thờ vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực và các vị lãnh đạo đã hi sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 ở làng này. Hằng năm, lễ hội cúng đình (lễ kỳ yên) được tổ chức vào ngày rằm tháng 2 âm lịch đã quy tụ đông đảo cư dân địa phương tham gia làm lễ rước sắc phong, cúng thần làng để cầu mong cho "Quốc thái, dân an", công việc làm ăn thuận lợi, cuộc sống ấm no, thuận hòa.

Người Kinh cùng với người Khmer và người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng đã lưu giữ kho tàng văn học dân gian khá đồ sộ, rất phong phú và đa dạng với các

loại truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, các thành ngữ, tục ngữ, câu đố, ca dao, dân ca, hò, vè… phản ánh vũ trụ quan của họ về thế giới siêu nhiên và nhân sinh quan của họ về cuộc sống đời thường. Qua quá trình chung sống lâu dài với nhau, văn học dân gian của người Kinh, người Khmer và người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng đã ảnh hưởng lẫn nhau và hòa lẫn vào nhau trong từng thể loại, thể hiện sự hòa hợp giữa các dân tộc đối với mọi lĩnh vực đời sống của cư dân, từ đời sống trong sản xuất, sinh hoạt hằng ngày đến cách đối nhân xử thế của họ.

Loại hình nghệ thuật múa bóng thể hiện qua các vũ điệu (múa dâng bông, múa dâng mâm, múa dâng lộc, múa ghế, múa bông huệ, múa dao, múa khạp, múa rót rượu…) là hình thức diễn xướng nghi lễ độc đáo của người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng. Múa bóng gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu và được diễn xuất trong nghi lễ cúng Bà ở các miếu Bà Chúa Xứ, Bà Hỏa, Ngũ Hành Nương Nương và nghi lễ cúng đình của một số đình làng có thờ Mẫu như đình Hòa Tú chẳng hạn, biểu hiện truyền thống tri ân đối với thần linh, tổ tiên và những người đã khuất.

Nghệ thuật sân khấu cải lương, trong đó nghệ thuật sân khấu cải lương hát tuồng cổ của người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng đã sản sinh ra "nhiều đào kép cải lương danh tiếng"[1]. Ở tỉnh Sóc Trăng trước đây có nhiều đoàn nghệ thuật hát tuồng cổ như Minh Khai (năm 1940), Sao Vàng - Hưng Bình (năm 1973), Văn Thanh, Thái Bình… đã tập hợp khá đông đảo diễn viên, tham gia lưu diễn các nơi tại địa phương vào mùa lễ hội, trong lễ hội cúng đình ở các đình làng.

Đờn ca tài tử xuất hiện vào đầu thế kỷ XX là loại hình nghệ thuật độc đáo, đặc sắc mang đậm tính chất dân gian của người Kinh ở Nam Bộ với sự kết hợp giữa âm nhạc (cổ nhạc và tân nhạc) và lời ca (vọng cổ, các làn điệu dân ca…). Loại hình nghệ thuật này được phát triển khá rộng khắp trong người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, ở các huyện, thành phố trong tỉnh Sóc Trăng có nhiều câu lạc bộ đờn ca tài tử tham gia trong những dịp lễ hội, đám tiệc, sinh hoạt tập thể… đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, thưởng thức âm nhạc, vui chơi, giải trí của cộng đồng và gia đình người Kinh.

### 2. Cộng đồng người Khmer

Theo tài liệu dân tộc học thu thập được ở các chùa cổ của người Khmer tại tỉnh Trà Vinh và tỉnh Sóc Trăng, người Khmer đã định cư, lập nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung trong thời gian khoảng cuối thế kỷ XI[2]. Vào thế kỷ XIII, khi vương triều Ăngco của Chân Lạp bị sụp đổ bởi sự xâm lược của Xiêm La, nhiều dòng người Khmer lần lượt di cư đến

1. Vương Hồng Sển: Hồi ký *50 năm mê hát*, Nxb. Sài Gòn, 1968, tr. 33, 49 và 51.

2. Mạc Đường: *Vai trò của người Kinh trong việc tổ chức và đoàn kết các cộng đồng dân cư khai phá vùng đất Nam Bộ*, trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*, Kỷ yếu hội thảo của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Nxb. Thế giới, 2009, tr. 160 - 161.

vùng Đồng bằng sông Cửu Long và tại tỉnh Sóc Trăng ngày càng trở nên đông đảo hơn. Đến thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn, người Khmer đã thành lập phum sóc, xây dựng chùa tại nhiều nơi, chủ yếu trên vùng đất giồng ven sông rạch và ven biển Đông của tỉnh Sóc Trăng.

Truyền thuyết "Nàng Chanh" - người đầu bếp bị nhà vua ra lệnh bắt giam để xử tội vì có kẻ dèm pha là nàng đã nêm nếm các món ăn dâng cho nhà vua bằng chất bẩn của móng tay út để rất dài của mình. Nàng Chanh hoảng sợ, chạy trốn bằng cách quá giang ghe buôn nhỏ xuôi theo dòng sông Hậu đến Đại Ngãi, rồi rẽ vào con rạch nhỏ và dừng lại ở đó để nấu cơm ăn. Nấu cơm chưa chín nhưng nàng Chanh buộc phải tiếp tục chạy trốn vì quân lính của nhà vua truy bắt đã đến gần. Nơi nàng Chanh nấu cơm chưa chín được gọi là Bãi Xàu (cơm sống). Ghe chở nàng Chanh đi về So Mo và lần theo một ngả sông để ra Vàm Tấn. Ngả sông ấy mang tên Dù Tho (cần tho - ống nhổ), một loại tư trang bằng vàng mà nàng đã ném xuống sông này, rồi gieo mình tự tử. Xác nàng Chanh trôi dạt đến một vàm sông và được dân chúng vớt lên chôn cất tại đây. Vàm sông ấy mang tên "Nàng Chanh", tức Mỹ Thanh (di tích mộ nàng Chanh ở xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu). Trước khi gieo mình xuống sông tự tử, nàng Chanh đã cầu nguyện để đất trời chứng giám cho "máu" của nàng biến thành nước biển Đông, "tóc" của nàng biến thành rễ cây gừa, "vú" của nàng biến thành trái bần và "đùi" của nàng biến thành bập lá dừa nước[1]. Truyền thuyết trên cho chúng ta hình dung lại được phần nào về quá trình di cư và sự phân bố cư trú của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng trước đây, về cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của vùng đất này.

Từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cho đến nay, dân số người Khmer so với tổng dân số của tỉnh Sóc Trăng luôn xếp vị trí thứ hai sau người Kinh, chiếm 43,61% năm 1894, 35,02% năm 1971, 35,02% năm 1999, 28,92% năm 2008 và 30,71% năm 2010.

### *2.1. Hoạt động kinh tế*

Cũng giống như người Kinh, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng lâu nay sinh sống căn bản dựa vào sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng trọt, chăn nuôi và phần nào đó là nuôi trồng thủy sản. Trong thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn, người Khmer thường khai khẩn đất đai có giới hạn trong phạm vi không gian cư trú xung quanh khu vực sông Ba Thắc, chủ yếu là trên vùng đất giồng để trồng lúa và hoa màu nhằm bảo đảm nhu cầu đời sống và sinh hoạt thường ngày của họ. Ngay từ thời kỳ đầu định cư, lập nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng cho đến nay, người Khmer trồng lúa trên nền đất ruộng (srê) và trồng hoa màu trên nền đất rẫy (chămka). Ruộng lúa của họ có nhiều loại khác nhau dựa vào đặc điểm địa hình đất đai (ruộng gò, ruộng vừa, ruộng rộc, ruộng

1. Nguyễn Hữu Hiếu: *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ qua truyện tích và giả thuyết*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.

bưng…) hoặc theo mùa vụ (ruộng lúa sớm - ruộng gò, ruộng lúa mùa - ruộng vừa, ruộng lúa muộn - ruộng bưng)[1].

Trong sản xuất nông nghiệp, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, những tri thức dân gian trong việc dự đoán thời tiết, sắp xếp lịch thời vụ, làm đất, điều hòa nguồn nước, chăm sóc và thu hoạch cây trồng. Họ đã lựa chọn và nhân được nhiều giống lúa thích hợp cho từng loại ruộng. Những giống lúa truyền thống của người Khmer vẫn được ưa chuộng và được gieo trồng trên 80% diện tích đất trồng lúa của tỉnh Sóc Trăng trong vụ mùa năm 1972 - 1973[2].

Nhiều loại cây ăn trái như nhãn, xoài, dưa hấu, mía (trước đây) và các loại hoa màu như hành tím, hẹ, cải xanh, củ cải trắng (hiện nay) đã được người Hoa và người Khmer canh tác trên nền đất rẫy, nhất là trên nền đất giồng ven biển thuộc huyện Vĩnh Châu. Trước năm 1975, nhãn Vĩnh Châu, dưa hấu Rạch Đình, mía Trà Nho, muối Ba Thắc đã nổi tiếng khắp nơi. Nhãn Vĩnh Châu ngon sánh bằng với quýt Cần Thơ, cam Cái Bè, mận Trung Lương (Tiền Giang), bưởi Tân Triều (Biên Hòa)[3]. Dưa hấu Vĩnh Châu có chất lượng ngon ngọt nhờ bón phân cá biển và phần lớn lượng dưa hấu được tiêu thụ trong dịp tết Nguyên đán hằng năm ở Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 1975 là dưa hấu của vùng đất giồng ven biển thuộc các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng và Bạc Liêu[4]. Ngoài trồng trọt, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng còn chăn nuôi gia súc (trâu, bò, heo), gia cầm (gà, vịt…) và nuôi trồng thủy sản (cá, tôm…) để kéo cày (trước đây), kéo xe, lấy thịt và trao đổi, buôn bán.

Theo *Chân Lạp phong thổ ký* của Châu Đạt Quan, người Khmer đã biết làm gốm, dệt vải, làm bún, nấu rượu, đóng xe bò, đóng ghe xuồng… từ lâu đời[5]. Ở tỉnh Sóc Trăng, người Khmer làm các nghề thủ công như đan lát đồ dùng bằng tre trúc, dệt vải lụa, sơ chế thuốc lá, đóng xe bò… ở vùng đất giồng, chằm lá dừa nước, dệt chiếu, làm mắm… ở vùng ven sông, rạch, cửa sông và ven biển Đông.

Nghề đan lát và làm đồ gia dụng bằng tre trúc phát triển khá tập trung trong người Khmer ở xã Phú Tân (huyện Châu Thành). Người Khmer ở ấp Phước Quới chuyên đan giỏ bội chụp gà, giỏ bội đựng bún, rổ to đựng rau. Trong khi đó, người Khmer ở ấp Phước Hòa, ấp Phước Thuận chuyên đóng ghế dựa, bàn và chõng tre. Các sản phẩm thủ công do họ làm ra, thường được chính họ mang đi trao đổi, buôn bán nhiều nơi ở trong và

1. *Những vấn đề dân tộc học miền Nam Việt Nam*, Ban Dân tộc học, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 1978, t. 2, q. II, tr. 34 - 39.

2. *Niên giám Thống kê Việt Nam, năm 1972*, Viện Quốc gia thống kê Việt Nam Cộng hòa biên soạn và xuất bản, Sài Gòn, 1973, tr. 305.

3. Huỳnh Minh: *Bạc Liêu xưa và nay*, Sài Gòn, 1966, tr. 178 và 206 - 208.

4. Lê Hương: *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn, 1969, tr. 228.

5. Châu Đạt Quan: *Chân Lạp phong thổ ký*, Kỷ nguyên mới xuất bản, Sài Gòn, 1973, tr. 93 - 99.

ngoài tỉnh Sóc Trăng[1]. Gần đây, phụ nữ Khmer ở tỉnh Sóc Trăng còn đan nhiều loại sản phẩm thủ công bằng sợi lục bình do các đầu mối cung cấp nguyên liệu (sợi lục bình) và thu mua sản phẩm theo đơn đặt hàng.

Nghề dệt vải lụa (trồng bông, kéo sợi, dệt vải và trồng dâu, ươm tơ, dệt lụa) đã phát triển trong người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng từ thời Nguyễn cho đến những năm đầu thế kỷ XX[2]. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nghề dệt tồn tại trong một bộ phận cư dân người Khmer, có 40 hộ gia đình trồng dâu, nuôi tằm để ươm tơ, dệt lụa. Tuy nhiên, trong thời gian từ năm 1923 đến năm 1936, cũng chỉ có 20 hộ gia đình trong 7 phum sóc của người Khmer còn duy trì nghề này. Ước tính mỗi phum sóc của họ có từ 3 - 4 khung dệt và mỗi gia đình làm nghề dệt thường chỉ có một khung dệt[3]. Họ dệt những chiếc xăm pốt "rộng 1m và dài từ 4 - 5m" phục vụ nhu cầu may mặc theo phong tục truyền thống và phụng sự cho chùa. Sản phẩm vải lụa của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng lúc này hiếm khi được mang đi trao đổi, buôn bán[4]. Vỏ cây dà, vỏ cây đước của vùng rừng ngập mặn ven biển Đông được người Kinh và người Khmer khai thác, chế biến để nhuộm vải lụa và nhuộm lưới.

Nghề dệt chiếu cũng đã thu hút một bộ phận cư dân người Khmer ở xã Vĩnh Phước (huyện Vĩnh Châu) và xã Viên Bình (huyện Mỹ Xuyên). Họ khai thác lát (cói) mọc hoang và lát trồng dùng làm nguyên liệu dệt chiếu. Dệt chiếu được coi là nghề nghiệp "mẹ truyền nghề, con nối nghiệp" của người Khmer. Trước đây, chiếc chiếu của người Khmer ở xã Vĩnh Phước (huyện Vĩnh Châu) được đan cọng nhỏ và đều nên rất bền và đẹp[5]. Chiếu của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng có nhiều loại (chiếu trơn, chiếu bông, chiếu lễ...), được trang trí với nhiều màu sắc, hoa văn hài hòa, độc đáo. Người Khmer ở xã Viên Bình thường dày công chăm chút cho chiếc chiếu lễ phụng sự cho chùa, được trải dài ra theo chiều dài của chánh điện và sala để tiến hành các nghi lễ tôn giáo tại chùa[6].

Nghề đóng xe bò dùng làm phương tiện vận chuyển bằng đường bộ đã từng tồn tại trong người Khmer và người Hoa ở vùng đất giồng ven biển Đông của tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, chiếc xe bò được làm ra ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu chỉ có 1 con bò kéo xe. Trong khi đó, chiếc xe bò được làm ra ở huyện Long Phú lại có 2 con bò kéo xe. Chiếc xe bò chỉ có 1 con bò kéo xe

1. Phan Thị Yến Tuyết (Chủ biên): *Xóm nghề và nghề thủ công Nam Bộ*, Nxb. Trẻ, 1999, tr. 99, 107 và 108.

2. Bùi Thị Tân, Vũ Huy Phúc: *Kinh tế thủ công nghiệp và phát triển công nghệ Việt Nam dưới triều Nguyễn*, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 138.

3, 4. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 196, tr. 200, 203.

5. Lê Hương: *Người Việt gốc Miên,* Sài Gòn, 1969, tr. 230.

6. Trần Thị Thảo: *Nghề dệt chiếu cổ truyền của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng (Trường hợp xã Viên Bình, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng)*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 57.

là loại phương tiện vận chuyển có tính đặc thù và xa lạ so với truyền thống sản xuất và sử dụng loại phương tiện này của người Khmer và người Kinh ở Nam Bộ nói chung.

Nghề vẽ tranh trên kính của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng thể hiện phong cách, truyền thống riêng của họ. Họ vẽ tranh chân dung ông bà, cha mẹ, tranh đức Phật Thích Ca theo Phật thoại, tranh các vị thần của Bàlamôn giáo để thờ, để trang trí trong nhà và để phụng sự cho chùa chiền. Ngoài ra, họ còn vẽ tranh phong cảnh mô phỏng phế tích Ăngco Thom, Ăngco Vát. Tranh vẽ trên kính của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng là những tác phẩm nghệ thuật dân gian độc đáo, đặc sắc và được cộng đồng ưa chuộng.

Ngoài sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), thủ công nghiệp và trao đổi, buôn bán chủ yếu là các loại nông - lâm - thủy sản do họ làm ra, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng còn săn bắt thú chim, hái lượm rau củ, đánh bắt cá tôm trong sông, rạch và ven bờ biển Đông để bổ sung nguồn lương thực, thực phẩm, góp phần bảo đảm đời sống của họ. Trước đây, người Khmer săn bắt thú chim bằng bẫy, bằng ná, bằng lao, bằng lưới và thịt một số loài rắn, thịt kỳ nhông rất được ưa thích đối với họ[1].

Đánh bắt cá, tôm là việc làm phổ biến lâu nay trong gia đình người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ XX, theo *Monographie de la Province de Soc Trang* (năm 1904), cư dân ở đây, nhất là người Khmer không đánh bắt cá biển[2]. Họ đánh bắt cá, tôm ở sông Bassac và cá cháy từ biển bơi ngược theo dòng sông này vào mùa khô. Theo Lê Hương, họ có đánh bắt cá trắng trên sông để làm mắm prahok (bồhốc)[3]. Hiện nay, người Khmer đánh bắt cá, tôm ở ven bờ biển Đông bằng cách đẩy xiệp, đi bằng cà kheo khi nước rong (nước lớn) và lội bộ khi nước ròng (nước rút). Xiệp lưới dày dùng để bắt ruốc và xiệp lưới thưa dùng để bắt tôm, cá lù đù, cá bẹ. Họ còn bắt nghêu, sò bằng cào, bằng móc và bắt cua bằng lưới. Tháng chướng bắt nghêu, tháng nồm bắt sò để bổ sung vào cơ cấu bữa ăn hằng ngày của gia đình và phần nào đó dành cho trao đổi, buôn bán. Gần đây, người Khmer còn bắt ba khía đem bán cho các vựa tại địa phương.

Đặc biệt, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng có sử dụng ghe xuồng làm phương tiện vận chuyển và đánh bắt cá, tôm trong sông, rạch, nhưng không sử dụng ghe xuồng làm phương tiện đánh bắt cá, tôm trên biển. Họ hướng ra biển có giới hạn độ sâu không quá 2m bằng cách lội bộ hoặc đi cà kheo đánh bắt cá, tôm và thu lượm nghêu sò ở ven bờ biển Đông.

Hoạt động kinh tế của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay chủ yếu vẫn dựa vào sản xuất nông nghiệp theo truyền thống nên đời sống của họ vẫn còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực tự vươn lên của cộng đồng

1, 2. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945)*, *Sđd*, tr. 13 - 14.

3. Lê Hương: *Người Việt gốc Miên*, *Sđd*, tr. 229.

**Bảng 9.11: Loại hộ**

| | 2001 | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng số | | Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | | Tổng số | |
| | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) |
| **Toàn tỉnh** | **241.172** | **100** | **167.016** | **100** | **74.156** | **100** | **267.380** | **100** |
| Tỷ lệ (%) | 100 | | 69,25 | | 30,75 | | 100 | |
| Người Khmer | 68.187 | 28,27 | 38.922 | 23,3 | 29.265 | 39,46 | 78.462 | 29,34 |
| Tỷ lệ (%) | 100 | | 57,08 | | 42,92 | | 100 | |

*Nguồn:* Tổng hợp theo số liệu thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2001, 2005 và 2010.

và dưới tác động các chính sách được cụ thể hóa bằng các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo và việc làm, xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển cộng đồng, đời sống vật chất, tinh thần của người Khmer đã được cải thiện. Số hộ gia đình người Khmer có mức sống trung bình trở lên tăng từ 57,08% năm 2001 lên 58,3% năm 2005 lên 63,32% năm 2010 và số hộ gia đình nghèo giảm từ 42,92% năm 2001 xuống 41,7% năm 2005, 36,68% năm 2010 so với tổng số hộ gia đình người Khmer của tỉnh Sóc Trăng trong những năm này (Bảng 9.11).

### *2.2. Đời sống văn hóa vật chất*

Đến nửa đầu thế kỷ XX (năm 1937), nhà ở của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng phần nhiều là nhà sàn được làm từ các loại vật liệu cây gỗ, tre, lá... có sẵn tại địa phương. Lúc này, người Khmer cư trú chủ yếu trên vùng đất giồng, cao ráo và nhà ở của họ khá chắc chắn, vững chãi, rộng thoáng, ít ẩm thấp, thích nghi với khí hậu và môi trường ở đây hơn là nhà ở của người Kinh. Không gian cư trú của các phum sóc người Khmer cũng không tập trung như không gian cư trú của các xóm làng người Kinh[1].

Theo tập quán truyền thống, người Khmer xây dựng nhà ở trong một khuôn viên đất đai nhất định hợp thành không gian cư trú theo dòng họ (thường theo dòng mẹ) ở phum sóc và quần tụ xung

1. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 46.

**gia đình người Khmer**

| 2005 | | | | 2010 | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | | Tổng số | | Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | |
| TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) |
| **191.092** | **100** | **76.288** | **100** | **311.159** | **100** | **235.520** | **100** | **75.639** | 100 |
| 71,47 | | 28,53 | | 100 | | 75,69 | | 24,31 | |
| 45.742 | 23,34 | 32.720 | 42,89 | 91.448 | 29,39 | 57.904 | 63,32 | 33.544 | 36,68 |
| 58,3 | | 41,7 | | 100 | | 24,59 | | 44,35 | |

quanh chùa chiền. Gia đình - dòng họ - phum sóc - chùa chiền luôn có mối quan hệ tương tác qua lại và gắn bó mật thiết đến với mỗi cá nhân và toàn cộng đồng.

Hiện nay, nhà ở truyền thống của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng thường là kiểu nhà nối mái, được làm với nhiều loại vật liệu xây dựng truyền thống (gỗ, tre, lá…) và hiện đại (gạch, ngói, tôn, xi măng, cốt thép…) tùy theo khả năng kinh tế của gia đình, dòng họ. Nhìn chung, mức sống của người Khmer, nhất là đối với người Khmer nghèo ngày càng được cải thiện, nâng cao dần, không gian sinh hoạt trong nhà của họ cũng được trang hoàng ngày càng tươm tất hơn với những đồ gia dụng, đồ thờ cúng, đồ trang trí cần thiết và quen dùng.

Trang phục của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay cũng giống như trang phục của người Kinh tại địa phương, là những bộ Âu phục, đồ trang sức (dây chuyền, nhẫn, lắc, vòng, hoa tai, đồng hồ…) và bộ bà ba (hoặc theo kiểu bà ba) dành cho một số người lớn tuổi, được mặc trong sinh hoạt hằng ngày cho cả nam lẫn nữ. Trang phục truyền thống của họ còn lưu giữ lại chủ yếu dành cho cô dâu may mặc để làm lễ cưới theo phong tục là chiếc *xăm pốt*, áo ngắn và mũ *sài an*. Ngoài ra, có một số phụ nữ Khmer ở huyện Vĩnh Châu còn may mặc loại áo ngắn, tay dài lỡ, cổ tròn, không túi và xàrông.

Về ẩm thực, ngoài những đồ ăn, thức uống có tính phổ biến trong văn hóa ẩm thực của các cộng đồng cư dân

ở đây, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng đã chế biến nhiều món ăn truyền thống bằng nguồn lương thực, thực phẩm động - thực vật sẵn có trong tự nhiên, quen dùng tại địa phương như mắm bồhốc (prahok), mắm bồ ót (pro ót - mắm chao), canh xiêm lo, bún nước lèo, các loại dưa chua, cốm dẹp…

Mắm bồhốc được làm bằng nhiều loại cá, nhưng ngon nhất là làm bằng cá trê vàng (bồhốc ốp). Mắm bồ ót được làm bằng tép mồng hoặc cá lòng tong với cơm nguội hoặc thính và củ riềng. Canh xiêm lo thường được nấu có cá, thịt ba rọi với rau ngổ hoặc chuối ghém hay trái đu đủ non. Bún nước lèo được nấu với cá lóc, nêm mắm bồhốc và củ ngải bún… Mắm bồhốc, đặc biệt là mắm bồhốc ốp vừa là món ăn, vừa là gia vị có mùi vị riêng biệt được dùng để nêm tạo hương vị đậm đà cho nhiều món ăn, nhất là đối với các món canh và món bún nước lèo.

Mắm bồhốc, mắm bồ ót, canh xiêm lo, bún nước lèo, cốm dẹp… là những món ăn đặc trưng trong văn hóa ẩm thực của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. Mắm bồhốc ốp Mỹ Quới (huyện Ngã Năm) trước đây từng là sản phẩm hàng hóa được ưa chuộng tại địa phương, còn bún nước lèo Sóc Trăng cũng đã trở thành thương hiệu nổi tiếng ở Nam Bộ hiện nay.

### *2.3. Đời sống văn hóa tinh thần*

Đối với người Khmer, Phật giáo Nam tông là tôn giáo của toàn cộng đồng, có ảnh hưởng sâu đậm đến mọi lĩnh vực đời sống cư dân, từ hoạt động kinh tế đến đời sống văn hóa vật chất, đời sống văn hóa tinh thần và đời sống chính trị - xã hội của họ. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận không nhiều người Khmer ở huyện Long Phú (Lịch Hội Thượng, Trung Bình) của tỉnh Sóc Trăng tin theo Công giáo.

Phật giáo Nam tông đã du nhập vào người Khmer từ lâu đời và được phát triển trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng ngay từ khi họ định cư, lập nghiệp trên vùng đất này. Năm 2001, theo Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, có 59.299 hộ gia đình người Khmer theo Phật giáo Nam tông, chiếm 87% tổng số hộ gia đình người Khmer trong toàn tỉnh. Mỗi phum, sóc - tổ chức xã hội truyền thống của họ, thường là tương đương với đơn vị hành chính cấp ấp, có ít nhất một ngôi chùa và trong toàn tỉnh Sóc Trăng hiện nay có 89 chùa và 1 salatel phân bố trong vùng người Khmer. Chùa Khmer - cơ sở tôn giáo của toàn cộng đồng, là nơi ngoài việc tu học, thực hành nghi lễ tôn giáo của sư sãi, còn là nơi tổ chức các lễ hội cộng đồng (lễ Chôl Chnăm Thmây, lễ Đôn Ta, lễ Óoc Ombóc, lễ Cúng phước biển (Vĩnh Châu)…), dạy chữ Pali, tiếng Khmer, giáo lý đạo Phật… Như vậy, chùa Phật giáo Nam tông của người Khmer không chỉ là trung tâm tôn giáo, mà còn là trung tâm văn hóa xã hội của cộng đồng, nơi bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống của họ.

Chùa Khmer có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của mỗi cá nhân và toàn cộng đồng. Trước đây, đàn ông Khmer phải vào chùa tu học trong

một thời gian để trở thành người có trí thức, có đạo đức và có địa vị trong xã hội. Còn nhằm để lại phúc đức cho đời sau, người Khmer luôn làm phước, góp công, góp của phụng sự chùa, xây dựng chùa khang trang uy nghiêm, linh thiêng trong từng phum sóc. Có thể nói đối với người Khmer theo Phật giáo Nam tông, kể từ khi sinh ra cho đến lúc qua đời luôn gắn bó cả cuộc đời mình với chùa. Khi còn sống, họ tụ cư quây quần xung quanh chùa và khi mất đi, tro cốt của họ được gửi vào chùa.

Tín ngưỡng dân gian và lễ hội cộng đồng của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng nhìn chung khá đa dạng về loại hình và phản ánh trong đó đời sống văn hóa tinh thần của cư dân nông nghiệp trong vùng đồng bằng duyên hải giáp với biển Đông và sớm chịu ảnh hưởng sâu đậm, toàn diện của Phật giáo Nam tông.

Các loại hình tín ngưỡng Arăk và Niết Tà đã tồn tại phổ biến trong người Khmer nói chung và trong người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng nói riêng. Nhìn chung, theo quan niệm của họ thì Arăk là thần bảo hộ gia đình, dòng họ (Arăk chua bua), còn Niết Tà là thần bảo hộ phum sóc (Niết Tà Mêcha Sróc), chùa chiền (Niết Tà Wat). Cúng Arăk có người lên đồng (rub Arăk) để cầu an và chữa bệnh cho gia đình, dòng họ. Cúng Niết Tà để cầu mưa, mùa màng tươi tốt, công việc làm ăn thuận lợi, phum sóc bình an, gia đình hòa thuận. Trước đây, mỗi khi có xích mích lẫn nhau, người Khmer thường đến miếu Niết Tà làm lễ ăn thề để được "phân xử" lẽ đúng sai.

Tín ngưỡng Arăk và Niết Tà là những loại hình tín ngưỡng dân gian tiền Phật giáo đã ra đời trong thời kỳ công xã thị tộc (đối với loại hình tín ngưỡng Arăk), công xã láng giềng (đối với loại hình tín ngưỡng Niết Tà), sớm chịu ảnh hưởng của Bàlamôn giáo và Phật giáo Nam tông. Các loại hình tín ngưỡng Arăk và Niết Tà của người Khmer đã đan xen trong đó tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, saman giáo (lên đồng), lễ nghi nông nghiệp (diễn ra vào mùa gió chướng), Bàlamôn giáo (tên của một số Arăk và Niết Tà là tên các vị thần của đạo Bàlamôn) và Phật giáo Nam tông (loại hình tín ngưỡng Niết Tà được đưa vào thờ trong khuôn viên trước cổng chùa)[1].

Người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay tổ chức khá nhiều lễ hội cộng đồng, phản ánh trong đó đời sống của cư dân nông nghiệp ở vùng sông nước duyên hải giáp với biển Đông và sớm chịu ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông.

- Lễ hội *Chôl Chnăm Thmây* (mừng năm mới) là lễ hội liên quan đến nông nghiệp, được tổ chức trong ba ngày vào giữa tháng 4 (dương lịch) hằng năm. Trong những ngày diễn ra lễ hội, người Khmer tiến hành nhiều nghi thức tại chùa và gia đình như diễu hành ba vòng xung quanh chánh điện của chùa để đón năm mới, cúng dường chư thiên và sư sãi tại chùa, đắp núi cát, núi lúa

1. Nguyễn Xuân Nghĩa: *"Các loại hình tín ngưỡng Arặc, Niết Tà của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long"* trong *Những vấn đề dân tộc học miền Nam Việt Nam* (lưu hành nội bộ), Ban Dân tộc học, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 1978, t. II, q. II, tr. 133.

tại chùa và tại nhà, tắm tượng Phật, đọc kinh cầu siêu cho người đã khuất, trình diễn nghệ thuật sân khấu yukê…

- Lễ hội *Đôn Ta* (cúng ông bà) của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng được tổ chức vào thượng tuần và trung tuần tháng 8 (Âm lịch) ở chùa, tại tháp đựng cốt để con cháu cúng kính, làm phước, cầu xin nhằm báo hiếu cho ông bà, cha mẹ, họ hàng và tại nhà với sự gặp mặt của người thân, họ hàng, bạn bè để tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, tiệc tùng vui chơi với nhau.

- Lễ hội *Óoc Ombóc* (cúng trăng) là lễ hội nông nghiệp, được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 (Âm lịch), lễ cúng có cốm dẹp, để tạ ơn thần Mặt Trăng đã điều tiết mùa màng cho ruộng rẫy tươi tốt, sông, biển nhiều tôm cá, đời sống gia đình ấm no, sung túc. Trong lễ hội Óoc Ombóc có tổ chức đua ghe ngo, thả đèn gió. Đua ghe ngo và thả đèn gió của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng đã trở thành lễ hội hằng năm của địa phương, thu hút đông đảo người Khmer, người Kinh, người Hoa trong, ngoài tỉnh và khách du lịch trong, ngoài nước tham gia và tham dự lễ hội.

- Lễ hội *Cúng phước biển* được tổ chức tại chùa Cà Săng vào ngày 14 và 15 tháng 2 (âm lịch) hằng năm. Đây là lễ hội cầu mùa, cầu cho phum sóc bình an, cuộc sống gia đình khá giả và cầu siêu cho người đã khuất của người Khmer ở vùng đất giồng ven biển và đánh bắt cá trên biển (xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu). Trước đây, cúng phước biển chỉ có phần lễ ảnh hưởng sâu đậm Phật giáo Nam tông. Sau này, ngoài phần lễ, người Khmer còn tổ chức phần hội với nhiều trò chơi dân gian mô phỏng cô gái Khmer gánh nước tưới rẫy hoa màu, chàng trai Khmer đẩy xiệp đánh bắt cá tôm và các hoạt cảnh đi cà kheo, đánh xe bò, đua ghe ngo trên cạn, múa đá gà... phản ảnh sinh động cuộc sống trong sản xuất và sinh hoạt của người Khmer vùng này.

Về âm nhạc, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng đã lưu truyền cho đến nay rất nhiều loại nhạc cụ hợp thành các dàn nhạc như *Voong Phlêng Khxe* (dàn nhạc dây), *Voong Phlêng Pinh Peát* (dàn nhạc ngũ âm), *Voong Phlêng Yukê* (dàn nhạc yukê), *Voong Phlêng Rôbăm* (dàn nhạc rôbăm)… phục vụ cho lễ hội cộng đồng, nghi lễ tại chùa, đám tang, đám làm phước, lễ cúng Arăk, biểu diễn múa dân gian, trình diễn nghệ thuật sâu khấu yukê, rôbăm…

Múa dân gian là loại hình nghệ thuật biểu diễn độc đáo, đặc sắc của người Khmer gắn bó mật thiết với cuộc sống trong lao động sản xuất và sinh hoạt thường ngày của họ. Người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng biểu diễn múa dân gian trong lễ hội, sinh hoạt, vui chơi, giải trí của tập thể và trên sân khấu rôbăm, yukê… Múa trống xàdăm là điệu múa dân gian cổ điển được thực hiện trong nghi thức đám rước, đón mừng năm mới (múa ba vòng xung quanh chánh điện chùa trong lễ Chôl Chnăm Thmây). Múa ramvông (hay lâm thôn – múa vòng) là điệu múa tập thể thường dành cho những đôi nam nữ thanh niên biểu diễn trong dịp hội hè, sinh hoạt, vui chơi, giải trí tại chùa

và phum sóc. Hát – múa aday là loại hình kết hợp hát với múa (hát là chính, múa là phụ), thường được tổ chức vào lúc nông nhàn cho từng đôi thanh niên nam nữ hát múa đối đáp với nhiều chủ đề khác nhau. Loại hình hát múa này hiện nay được một số nơi vận dụng để tuyên truyền cho việc phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội trong vùng người Khmer. Ngoài ra, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng có một số điệu múa được biểu diễn khi tiến hành các nghi thức đám cưới theo truyền thống, nghi lễ cúng Arăk…

Ngoài âm nhạc và múa dân gian, người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng còn phát triển loại hình nghệ thuật sân khấu rôbăm, yukê… Rôbăm là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ điển sử dụng ngôn ngữ múa là chủ đạo với nhiều động tác múa mở đầu, múa xoay, múa vén màn, múa nhún, múa bay, múa vớt, múa gánh, múa đâm, múa khỏ… để biểu diễn các vở tuồng phỏng theo các mẩu truyện cổ tích, truyền thuyết, thần thoại của họ. Loại hình nghệ thuật này thường có nội dung đậm màu sắc tôn giáo theo giáo lý của đạo Phật và ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ như *Riêm Kê* được phỏng theo sự tích anh hùng ca *Ramayana* chẳng hạn, làm nổi bật những nhân vật chính diện và phản diện, cái thiện và cái ác. Nhân vật chính diện trở thành mẫu người lý tưởng, điển hình được tôn vinh, còn đối với cái thiện và cái ác thì kết cuộc bao giờ cái thiện cũng chiến thắng cái ác. Trong khi đó, loại hình nghệ thuật sân khấu ca nhạc kịch yukê hay Lò khôn Ba Thắc, tương tự như loại hình nghệ thuật sân khấu cải lương của người Kinh ở Nam Bộ, đã ra đời vào thập kỷ đầu thế kỷ XX trong người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long, phát triển trong người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng và được mọi người ưa thích.

Nghệ thuật kiến trúc và mỹ thuật trang trí của người Khmer thể hiện độc đáo, đặc sắc ở ngôi chùa, đặc biệt là đối với những ngôi chùa cổ của họ. Chùa của người Khmer được xây dựng ở một khuôn viên rộng lớn, bề thế, hợp thành quần thể kiến trúc, điêu khắc tôn giáo nổi bật trong không gian cư trú của phum sóc Khmer. Chánh điện của chùa được xây dựng tại vị trí trung tâm, trên nền đất cao (hoặc được tôn cao lên) và hướng về Phật (hướng đông, về phía mặt trời mọc). Trong chánh điện, hệ thống tượng thờ đều là tượng Phật Thích Ca với nhiều tư thế khác nhau theo Phật tích. Tượng Phật đắc đạo ngồi tham thiền trên tòa sen uy nghiêm, thoát tục là tượng chủ đạo, có kích thước to nhất. Trên trần và xung quanh bốn bức tường của chánh điện được trang trí bằng những bức tranh vẽ hoành tráng diễn tả cuộc đời tu hành của đức Phật. Trong khuôn viên chùa còn có các sala dành cho tu học, sinh hoạt của sư sãi, trường học chữ Pali, tiếng Khmer, tháp đựng cốt, tháp thiêu xác, miếu thờ Niết Tà... Các tượng thần Bốn Mặt (tiền thân của thần Brama), chim thần Krụt (Garuda), nữ thiên thần Kầy no, mô típ Riàhu, rắn thần Nagar... của Bàlamôn giáo được trang trí ở bên ngoài chánh điện và trước cổng chùa cho thấy tôn giáo này có ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật kiến trúc và mỹ

thuật trang trí của chùa Phật giáo Nam tông của người Khmer.

Ngoài ra, một số chùa của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng còn thể hiện phong cách riêng trong mỹ thuật trang trí với các tượng Phật, tượng thần Bàlamôn được đúc nổi trên tường (chùa Peng Somprêk, huyện Châu Thành), với các tấm phù điêu chạm mô típ bánh xe luân hồi trên vòng rào của chùa (chùa Sangker, huyện Long Phú), với các cột được sơn đen, vẽ hình rồng, hoa và bao lam ảnh hưởng theo kiểu trang trí của người Hoa và người Kinh (chùa Khleang, thành phố Sóc Trăng)...

### 3. Cộng đồng người Hoa

Những dòng người Hoa từ miền Nam Trung Quốc đã di cư đến Nam Bộ nói chung, đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phần đất phía tây sông Hậu nói riêng vào khoảng cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII và kéo dài cho đến năm 1949, trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Trong quá trình nhập cư ở tỉnh Sóc Trăng, người Hoa thuộc các nhóm ngôn ngữ địa phương (chủ yếu là người Triều Châu và người Quảng Đông) sớm đã hòa nhập vào cùng người Khmer và người Kinh để xúc tiến công cuộc khai khẩn đất đai, phát triển sản xuất và thúc đẩy việc trao đổi, buôn bán với cả bên trong và ngoài cộng đồng.

Các khu dân cư của người Hoa được hình thành và hội quán của họ được thiết lập ở tỉnh Sóc Trăng trong thời gian đầu lập nghiệp theo hình thái cư trú đan xen với phum sóc của người Khmer và xóm làng của người Kinh tại những tụ điểm cư dân tập trung xung quanh khu vực sông Ba Thắc (hạ lưu sông Hậu), ở vùng cửa sông và trên vùng đất giồng ven biển Đông. Họ có vai trò rất quan trọng trong việc góp phần hình thành và phát triển các thị tứ, thành phố ở tỉnh Sóc Trăng trong các thời kỳ lịch sử trước đây và hiện nay.

Hiện nay, người Hoa là một trong ba thành phần dân tộc chủ yếu (Kinh, Khmer, Hoa) hợp thành cơ cấu dân cư đa dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng, năm 1894 chiếm 7,24%, năm 1971 chiếm 6,41%, năm 1999 chiếm 5,83% và năm 2008 chiếm 5,88% so với tổng dân số của tỉnh.

#### *3.1. Hoạt động kinh tế*

Nông nghiệp rẫy hoa màu là loại hình hoạt động kinh tế chính của người Hoa Triều Châu sinh sống ở khu vực nông thôn, trên vùng đất giồng ven biển Đông của tỉnh Sóc Trăng. Trong thời Pháp thuộc, người Hoa thường trồng các loại rau màu như xà lách, tỏi, ngò tây, gừng và các loại rau màu này được đem bán ở các chợ trong tỉnh[1]. Hiện nay, người Hoa Triều Châu cùng với người Khmer ở huyện Vĩnh Châu vẫn nối tiếp truyền thống canh tác rẫy trồng hoa màu trên đất giồng ven biển Đông, thay thế cây thuốc lá, dưa bí trước đó bằng hành tím, củ cải trắng, hẹ, cây thuốc cá… Củ hành tím Vĩnh Châu đã sớm trở thành một loại nông sản hàng hóa, một thương hiệu được ưa chuộng trên thị trường gần xa.

1. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 186,

Ngoài nông nghiệp rẫy hoa màu, người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và tiến hành sản xuất các nghề thủ công có tính gia truyền của họ. Vào thời Pháp thuộc, tại tỉnh Sóc Trăng có một số trại mộc xây cất nhà cửa, một lò gạch, một lò nấu rượu, vài tiệm chế tác đồ kim hoàn ở tỉnh lỵ Sóc Trăng, một lò gạch, hai lò nấu rượu, bốn xưởng cưa ở Bãi Xàu, một lò nấu rượu, một xưởng cưa ở Đại Ngãi, một xưởng cưa ở Cái Giầy, một xưởng nhuộm ở Lịch Hội Thượng… Trong các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp này, thợ kim hoàn, thợ đóng giày và chủ các lò nấu rượu, xưởng cưa, nhà máy xay xát lúa gạo hầu hết đều là người Hoa[1].

Người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay, trong đó đa số là người Hoa Triều Châu, luôn phát huy lợi thế của mình để phát triển sản xuất các ngành nghề thủ công truyền thống trong chế biến lương thực, thực phẩm. Các sản phẩm củ cải muối ở huyện Vĩnh Châu, lạp xưởng, bánh pía, bánh mè láo… ở huyện Châu Thành và thành phố Sóc Trăng, nhất là *bánh pía Vũng Thơm* hay *bánh pía Sóc Trăng* đã trở thành thương hiệu, là những loại sản phẩm hàng hóa được ưa chuộng trên thị trường trong nước và nước ngoài.

Người Hoa trồng và chế biến củ cải trắng tập trung ở các xã Vĩnh Châu, Lạc Hòa và Vĩnh Hải của huyện Vĩnh Châu. Củ cải trắng muối có hai loại là củ cải muối mặn (để nguyên củ) và củ cải muối ngọt (được xắt nhỏ), được gọi là *xá pấu*. Xá pấu mặn hầm với giò heo, kho hoặc xào với thịt gà, trứng gà, hoặc bóp dấm… là những thức ăn thông dụng hằng ngày nhưng rất ngon, hợp khẩu vị đối với cả trong người Hoa, người Kinh và người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng cũng như toàn vùng Nam Bộ.

Nghề nấu rượu có một thời khá phát đạt với quy mô sản xuất khá lớn ở Bãi Xàu. Một xưởng nấu rượu của người Hoa ở đây đã có đến 40 lao động làm việc mỗi ngày và 6 tháng cuối năm 1923 đã sản xuất được 420.000 lít rượu trắng[2]. Rượu Bãi Xàu cũng như lúa Bãi Xàu nổi tiếng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời Pháp thuộc.

Trước đây, các nghệ nhân kim hoàn người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng đã chế tác nhiều loại đồ trang sức, đồ thờ cúng, nhất là làm ra những chiếc hộp nhỏ bằng vàng, bằng bạc đủ kiểu để đáp ứng nhu cầu trang trí, làm đẹp và thờ cúng, lưu giữ, cất trữ trong gia đình, ở các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa, người Kinh và người Khmer. Tuy nhiên, đồ kim hoàn ở Sóc Trăng không tinh xảo bằng đồ kim hoàn ở Sa Đéc. Dấu vết của nghề kim hoàn còn nhận biết được qua di tích miếu thờ Tổ nghề tại thành phố Sóc Trăng hiện nay.

Năm 1923, ngoài một số lò gạch của người Hoa đã được xây dựng ở tỉnh lỵ Sóc Trăng và Bãi Xàu, đã có 9 lò gạch được xây dựng ở Phụng Hiệp thuộc tỉnh Hậu Giang; An Lạc Thôn, An Lạc Tây, Ba Trinh, Đại Đức, Nhơn Mỹ và Châu Hưng thuộc tỉnh Sóc Trăng. Trên cơ

1, 2. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 196, 197, 201, tr. 199

sở khai thác nguồn nguyên liệu đất sét sẵn có, tại chỗ, các lò gạch ở tỉnh Sóc Trăng - trừ lò gạch chạy bằng máy của điền chủ người Pháp Gressier ở Châu Hưng, chỉ sản xuất gạch cung cấp cho nhu cầu xây dựng trong các đồn điền của ông - đã tham gia cung cấp gạch xây dựng trên thị trường địa phương. Song, trong những năm đầu thế kỷ XX, chất lượng gạch Bãi Xàu không bằng gạch Sa Đéc, gạch Chợ Lớn và giá cả của gạch Bãi Xàu lại cao hơn gạch Sa Đéc và gạch Chợ Lớn.

Nhìn chung vị thế địa - kinh tế của tỉnh Sóc Trăng khá thuận lợi cho việc trao đổi, buôn bán bằng đường thủy hướng ra biển Đông và ngược dòng sông Mêkông đến Campuchia, Lào theo hệ thống sông Hậu thông qua cửa sông Trần Đề và cửa sông Mỹ Thanh. Vì thế, trong thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn, lúa gạo, vải lụa, muối hồng, cá mắm, vây cá, bong bóng cá, nhất là tôm khô… của tỉnh An Giang nói chung và ở Sóc Trăng nói riêng là những sản phẩm hàng hóa (hóa hạng) được trao đổi, buôn bán cả trong đất liền lẫn ngoài hải đảo[1]. Muối hồng - loại muối còn lẫn khá nhiều tạp chất có màu vàng đỏ nhưng khi phơi và lọc vớt những bọt nổi lên trên thì sắc muối lại trắng, vị thanh hơn muối ở những nơi khác. Trước đây, các cộng đồng cư dân ở tỉnh Sóc Trăng sử dụng muối hồng để ướp cá, làm mắm. Theo kinh nghiệm dân gian nếu ướp cá, làm mắm bằng muối trắng hoặc trộn lẫn lộn giữa muối trắng với muối hồng thì mắm sẽ bị hư thối. Muối Ba Thắc, trấn Vĩnh Thanh xưa được các thương nhân người Hoa thu mua, vào bao lá hình vuông (chứa 4 - 5 cân; 40 bao thành một xe) và "đem bán ở Cao Miên, được lợi rất nhiều"[2].

Đến thời Pháp thuộc, lúa gạo, cá tươi, cá khô, mắm cá… là những sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh Sóc Trăng. Trong những năm đầu thế kỷ XX, hàng tháng có khoảng 200 ghe thuyền, chủ yếu của người Hoa thường xuyên chở lúa xuất ra khỏi tỉnh Sóc Trăng từ Bãi Xàu là chính và cũng có khoảng 250 ghe thuyền chở các loại hàng hóa đến bán ở chợ Sóc Trăng và chợ Bãi Xàu[3]. Năm 1910, ở tỉnh Sóc Trăng mà chủ yếu là ở các thị tứ trong tỉnh, có 6 "vựa" lúa gạo, 8 "vựa" cá, 7 "vựa" heo, 19 hiệu buôn bán lẻ cùng nhiều cơ sở kinh doanh và làm dịch vụ khác nữa[4]. Trong hoạt động trao đổi, buôn bán nói chung và thu mua, xuất khẩu lúa gạo nói riêng ở tỉnh Sóc Trăng trước đây hầu hết do người Hoa đảm nhận.

Vào những tháng đầu năm trước năm 1954, sau khi các cộng đồng cư dân địa phương thu hoạch xong vụ lúa mùa, thị trường thu mua, buôn bán và xuất khẩu lúa gạo ở tỉnh Sóc Trăng rất sôi động. Năm 1936, sản lượng lúa trung bình của tỉnh Sóc Trăng có 220.000 tấn/năm, thì đã có đến 200.000 tấn lúa

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí, Sđd*, tr. 44.

2. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí, Sđd*, tr. 160.

3, 4. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945), Sđd*, tr. 204 - 205, tr. 205 - 206.

dành cho xuất khẩu. Các vựa lúa gạo ở Bãi Xàu, Bố Thảo, Nhu Gia, Phú Lộc, Kế Sách, Bang Long, Đại Ngãi… là những đầu mối quan trọng trong thu mua và chuyển giao lúa gạo cho các chành vựa của người Hoa ở Chợ Lớn để xay xát, chế biến và xuất khẩu.

Sau năm 1975, hàng hóa để trao đổi, buôn bán và tham gia xuất khẩu của tỉnh Sóc Trăng vẫn là các sản phẩm thu hoạch được từ nông nghiệp và thủy sản như lúa gạo, cá tôm (tôm đông xuất khẩu, củ hành tím, củ cải muối, nấm rơm muối…). Tính đến ngày 1-10-1999, mạng lưới chợ ở tỉnh Sóc Trăng - trung tâm trao đổi, buôn bán được thiết lập đã rộng khắp ở các xã, phường, thị trấn, từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa với 107 chợ, trong đó 88 chợ ở khu vực nông thôn và 19 chợ ở khu vực thành thị[1]. Người Hoa vẫn có ưu thế hơn người Kinh và người Khmer trong kinh doanh thương mại và làm dịch vụ ở cả khu vực đô thị lẫn khu vực nông thôn của tỉnh Sóc Trăng.

Hiện nay, mức sống của người Hoa ngày càng được nâng cao dần rõ rệt. Số hộ gia đình có mức sống từ trung bình trở lên từ 81,88% năm 2001 tăng lên 88,82% năm 2005, 90,11% năm 2010 và số hộ gia đình nghèo giảm từ 18,12% năm 2001 xuống còn 11,18% năm 2005, 9,89% năm 2010 so với tổng số hộ gia đình người Hoa của toàn tỉnh Sóc Trăng (Bảng 9.12).

1. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Niên giám Thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2008*, Nxb. Thống kê, 2009, tr. 176.

### *3.2. Đời sống văn hóa vật chất*

Nhà ở truyền thống của người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng là nhà ba gian và được xây dựng bằng các loại vật liệu gỗ, tre, lá, gạch, ngói, tôn, bê tông, cốt thép… tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình. Không gian thờ cúng trong nhà của họ, gian chính giữa được lập bàn thờ thờ Thần (Ông Bổn, Thổ thần…), còn gian bên trái được lập bàn thờ thờ tổ tiên, ông bà. Đặc biệt là, nhà ở của người Hoa đều có tên hiệu của người chủ nhà (viết bằng chữ Hán) được đặt ở phía trên, bên ngoài cửa giữa của căn nhà để tiện việc liên hệ và nhận biết nhau. Nhìn chung, nhà ở truyền thống của người Hoa với kiểu nhà ba gian và cách bài trí trong nhà chú trọng đặc biệt ở gian giữa thờ Thần thấy khá phổ biến trong người Hoa Triều Châu ở khu vực nông thôn, tại huyện Vĩnh Châu và một số nơi khác ở tỉnh Sóc Trăng.

Về trang phục truyền thống, người Hoa lớn tuổi ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay còn may mặc loại áo vạt hò nút thắt, cổ đứng, tay dài. Nhiều cô dâu người Hoa Triều Châu may mặc áo sườn xám trong ngày cưới. Một số phụ nữ người Hoa lớn tuổi vẫn giữ kiểu tóc ngắn, cài kẹp vén ra hai phía sau tai.

Đặc biệt là người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng đã nổi tiếng lâu nay trong chế biến các món ăn truyền thống, đặc trưng của họ như lạp xưởng, xá xíu, phá lấu, hàm dủy (mắm cá chiên, rưới giấm tiều), cải sấy khô hầm thịt (bò, gà, heo), mực hấp củ cải, "cải hủ" dùng để nấu nước lèo, củ cải, cải bẹ xanh, cải bẹ trắng muối dưa... và các loại

**Bảng 9.12: Loại hộ**

| | 2001 | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng số | | Hộ trung bình trở lên | | Hộ nghèo | | Tổng số | |
| | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) |
| **Toàn tỉnh** | **241.172** | **100** | **167.016** | **100** | **74.156** | **100** | **267.380** | **100** |
| Tỷ lệ (%) | 100 | | 69,25 | | 30,75 | | 100 | |
| Người Hoa | 35.570 | 5,63 | 11.111 | 6,65 | 2.459 | | 14.252 | |
| Tỷ lệ (%) | 100 | | 81,88 | | 18,12 | | 100 | |

*Nguồn:* Tổng hợp theo số liệu thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2001, 2005 và 2010.

bánh pía Vũng Thơm, bánh coóng Đại Tâm, bánh củ cải Vĩnh Châu, bánh tổ, bánh lá liễu, mè láo, kẹo đậu phộng, kẹo dẻo, cốm ba màu... bằng những nguồn lương thực, thực phẩm sẵn có tại chỗ là chính.

Trong văn hóa ẩm thực của người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng, ngoài những món ăn quen thuộc thường ngày, còn có những món ăn được dành cho việc cúng trong những ngày lễ, ngày tết (bánh tổ), nhất là trong hôn lễ (bánh pía, mè láo, kẹo đậu phộng, kẹo dẻo và cốm ba màu). Người Hoa thường làm và thích ăn những món rau có tên gọi đồng âm với những từ có ý nghĩa tốt đẹp như *kil xại* (cần), *suộng sại* (cải phụng), *củi xại* (hẹ), *sưng sại* (củ tỏi) và *cà ná* (cải rổ). Theo quan miệm của họ, nếu sự nhẫn nại, kiên trì (kil xại) trong công việc thì sẽ có cuộc sống ngày càng thăng tiến (suông sại), làm ăn thành công (sưng sại), làm ăn có tiền (củi xại) và muốn gì được nấy (cà ná).

### *3.3. Đời sống văn hóa tinh thần*

Người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng tôn thờ tín ngưỡng đa thần, phổ biến là các loại hình tín ngưỡng thờ Bà Thiên Hậu, Ông Bổn (Phước Đức Chính Thần), Quan Công… tại các miếu, là cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng. Kiến trúc các miếu của người Hoa thường theo một mô típ chung, có hình tứ diện, mái cong cao, trên móc có trang trí hình rồng bay, ở các hàng cột có trang trí câu đối, hoành phi bằng chữ Hoa hoặc

**gia đình người Hoa**

| 2005 | | | | 2010 | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Hộ trung bình trở lên** | | **Hộ nghèo** | | **Tổng số** | | **Hộ trung bình trở lên** | | **Hộ nghèo** | |
| TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) | TS | (%) |
| **191.092** | **100** | **76.288** | **100** | **311.159** | **100** | **235.520** | **100** | **75.639** | 100 |
| 71,47 | | 28,53 | | 100 | | 75,69 | | 24,31 | |
| 12.658 | | 1.594 | | 15.748 | 5,06 | 14.190 | 90,11 | 1.558 | 9,89 |
| 88,82 | | 11,18 | | 100 | | 6,02 | | 2,06 | |

vật tứ linh (long, lân, quy, phụng)... Tại miếu Bà Thiên Hậu (xã Lạc Hòa, huyện Vĩnh Châu), người Hoa tổ chức 6 lễ cúng hằng năm: vía Bà (ngày 23-3 âm lịch), cúng Ông Bổn (ngày 29-3 âm lịch), vía Quan Bình (ngày 13-5 âm lịch), cúng cô hồn (ngày 15-7 âm lịch) và cúng tất niên (ngày 15-11 âm lịch).

Vía Bà Thiên Hậu - một trong những vị thần rất hiển linh, phù hộ trên biển và tại nơi ở mới của người Hoa - là một trong những lễ cúng lớn nhất của họ ở Sóc Trăng. Người Hoa cúng Bà để cầu mong bình an và công việc làm ăn thuận lợi, phát đạt cho gia đình, cho cộng đồng. Trong ngày làm lễ vía Bà, có tục "vay tiền của Bà" có tính tượng trưng để làm ăn, buôn bán rồi trả tiền vay cho Bà vào ngày lễ vía Bà năm sau và tục thả chiếc tàu tống ôn với gạo, muối, nhang, đèn, đầu heo, gà luộc, khô mực, trứng vịt, bánh bò... để xua đuổi tà ma, dịch bệnh. Tục thả tàu tống ôn của người Hoa phản ánh trong đó đời sống của cư dân di cư bằng đường biển, gặp nhiều bất trắc, rủi ro trên đường đi trên biển cũng như tại nơi ở mới.

Lễ cúng cô hồn được tổ chức vào ngày rằm tháng 7 (âm lịch) hằng năm trong người Hoa và người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng. Người Hoa cúng cô hồn ở các miếu thờ Bà Thiên Hậu, Ông Bổn... để cầu an và làm phước cho người dân bằng đồ thí giàn. Đồ thí giàn gồm có chủ yếu là các loại nông sản tại địa phương (gạo, dừa, mía, khoai môn, khoai lang,

khoai mì, bưởi, cam, quýt, rau, thịt heo, thuốc lá, bánh kẹo, tiền...) mỗi thứ được ghi tên bằng tiếng Hoa trên một thẻ (miếu Bà Thiên Hậu, xã Lạc Hòa, huyện Vĩnh Châu và miếu Bắc Đế, xã Tân Hưng, huyện Long Phú) hoặc được sơn bằng các màu khác nhau theo quy định như màu vàng là gạo, màu đỏ là muối... (miếu Ông Bổn (Phước Đức cổ miếu) ở huyện Thạnh Trị) để những người tham dự lễ thí giàn nhặt được thẻ nào thì lấy đúng món đồ đã được ghi hay được sơn màu trên thẻ đó.

Lễ cúng cuối năm của người Hoa được tổ chức vào ngày 15-11 (âm lịch) hằng năm tại miếu với các loại đồ cúng như thịt heo, trái cây, kẹo đậu phộng và cốm. Cúng heo và trái cây để cầu phúc, cầu lộc và cúng kẹo đậu phộng (tào pang) và cốm (pỉ pang) để cầu bình an và phú quý cho gia đình, con cháu của họ, bởi *tào pang* có nghĩa là bình an và *phỉ pang* có nghĩa là phú quý.

Ngoài ra, người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng còn có nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian như cúng rẫy của người Hoa Triều Châu, cúng Rằm tháng giêng, cúng tết Thanh minh, cúng tết Đoan ngọ (ngày 5-5 âm lịch), cúng tết Trùng cửu (ngày 9-9 âm lịch), cúng Rằm tháng 10, cúng đưa ông Táo về trời... Chúng biểu hiện và ánh phản sự đa dạng các sắc thái văn hóa trong đời sống tinh thần của người Hoa, trong đó, nhiều tín ngưỡng dân gian của người Hoa có sự tương đồng với tín ngưỡng dân gian của người Kinh.

Trong âm nhạc, người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng sử dụng nhiều loại nhạc cụ truyền thống như trống, tiêu, sáo, đàn tỳ bà, đàn nhị, đàn nguyệt, chũm chọe... để hòa âm trong các lời ca, điệu múa, nhất là múa lân sư rồng, hát Tiều (Triều Châu), hát Hồ Quảng.

Nghệ thuật múa lân sư rồng còn phát triển trong người Hoa ở thành phố Sóc Trăng hiện nay với nhiều đoàn được thành lập ở phường 2, phường 3, phường 5... Múa lân sư rồng có nhiều điệu múa riêng cho mỗi loại hình, đặc biệt là múa lân (Tam tinh, Tam anh, Song hỉ, Tứ quý hưng long...) hoặc là những điệu múa kết hợp "long lân tương hội", "sư tử hí cầu"… và được trình diễn trong các dịp lễ hội của cộng đồng tại miếu, lễ hội của gia đình tại nhà để chúc mừng sự vui vẻ (Song hỉ), cầu chúc phúc, lộc, thọ (Tam tinh), phú quý, vinh hoa bốn mùa (Phú quý hưng long) và thắm đượm tình nghĩa anh em (Tanh anh).

Nghệ thuật sân khấu hát Tiều (Triều Châu) của người Hoa ở tỉnh Sóc Trăng là sự kết hợp các làn điệu ca múa cổ điển với nhạc cụ truyền thống, nhất là trống và kèn của họ. Loại hình nghệ thuật này đã được sản sinh trong người Hoa Triều Châu ở huyện Vĩnh Châu trước năm 1975 và được phát triển rộng rãi trong phong trào văn nghệ quần chúng ở tỉnh Sóc Trăng vào những năm cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, tiêu biểu là Đoàn ca kịch Châu Quang nghiệp dư mà theo PGS, TS. Phan Thị Yến Tuyết có lúc đã có trên 100 người tham gia. Hiện nay, ở huyện Vĩnh Châu có ba đoàn nghệ thuật văn nghệ quần chúng của người Hoa Triều Châu tham

gia biểu diễn phục vụ trong dịp lễ tết truyền thống của họ, nhất là trong những ngày tết Nguyên đán và những ngày lễ hội lớn được tổ chức tại các miếu của người Hoa.

*

* *

Tựu trung lại, trong tiến trình hình thành và phát triển của vùng đất Sóc Trăng, các dân tộc, chủ yếu là người Kinh, người Khmer và người Hoa ở đây luôn hợp lực cùng nhau để khai khẩn đất đai, phát triển cộng đồng và thiết lập các mối quan hệ dân tộc lâu bền thể hiện trong mọi lĩnh vực đời sống cư dân. Họ vốn là những người có nguồn gốc cư dân từ "tứ xứ", nhưng chung một hoàn cảnh "tha phương cầu thực", nên dễ dàng thông cảm, chia sẻ, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc làm ăn và sớm gắn bó, thân thiện với nhau trong cuộc sống đời thường. Trong bối cảnh đó, quan hệ hôn nhân giữa các dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng ngày càng phát triển và trở nên phổ biến trong các gia đình người Kinh, người Hoa, người Khmer và gia đình hỗn hợp Kinh - Hoa - Khmer ở địa phương.

Hỗn dung văn hóa giữa các dân tộc ở tỉnh Sóc Trăng đã diễn ra từ trước đến nay cả ở phạm vi gia đình lẫn phạm vi cộng đồng. Biểu hiện đậm nét là việc tham gia thực hành các lễ hội truyền thống của mỗi dân tộc ở phạm vi gia đình và phạm vi cộng đồng của các gia đình người Kinh, người Khmer và người Hoa, đặc biệt là đối với các gia đình hỗn hợp Kinh - Khmer - Hoa. Song ngữ và tam ngữ cũng được người Hoa và người Khmer sử dụng khá phổ biến ở phạm vi gia đình và phạm vi cộng đồng. Hệ thống từ xưng hô (*chế, ý, củ...*) của người Hoa Triều Châu đã trở thành một bộ phận hữu cơ của hệ thống từ xưng hô của người Kinh và người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. Sự hòa hợp giữa các dân tộc cũng đã lắng đọng lại trong ý thức tự giác dân tộc của mỗi thành viên trong các gia đình hỗn hợp Kinh - Khmer - Hoa, hoặc theo tộc danh của cha, hoặc theo tộc danh của mẹ, hoặc cũng có thể theo tộc danh của dân tộc khác.